

V/v: Báo cáo tình hình quản trị năm 2025  
Re: Report on the situation of Corporate  
Governance in 2025

Hà Nội, ngày 28 tháng 1 năm 2026  
Hanoi, January 28, 2026

**CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ**  
**PERIODIC DISCLOSURE OF INFORMATION**

**Kính gửi** : - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/ *The State Securities Commission*  
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội/ *Hanoi Stock Exchange*

Tên Công ty : Công ty Cổ phần Vinafco  
*Name of company Vinafco Joint Stock Corporation*  
Mã chứng khoán : VFC  
*Stock symbol*  
Trụ sở chính : Thôn Tụ Khoát, Xã Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam  
*Address of Head Office Tu Khoat Hamlet, Thanh Tri Commune, Hanoi City, Viet Nam*  
Điện thoại/Tel: : (84-4) 37684464  
Fax : (84-4) 37684465  
Người thực hiện công bố thông tin : Ông Nguyễn Xuân Thịnh  
*Person responsible for information disclosure Mr. Nguyen Xuan Thinh*  
Chức vụ : Trưởng phòng Pháp chế  
*Position Head of Legal Department*

Loại thông tin công bố:  24h  72h  Yêu cầu  Bất thường  Định kỳ

*Type of disclosure:*  24h  72h  Requirement  Extraordinary  Periodic

Nội dung thông tin công bố: Công ty Cổ phần Vinafco công bố thông tin về Báo cáo tình hình quản trị công ty năm 2025.

*Content of information disclosure: Vinafco Joint Stock Corporation announces Report on the situation of Corporate Governance in 2025.*

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty Cổ phần Vinafco, tại địa chỉ: <https://vinafco.com.vn/>.

*This information is disclosed on the website of Vinafco Joint Stock Corporation at the address: <https://vinafco.com.vn/>.*

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

*We hereby commit that the information disclosed above is truthful and we take full responsibility before the law for the content of information disclosure.*

**Tài liệu gửi kèm:** Báo cáo tình hình quản trị công ty 2025.

**Attached Document:** Report on the situation of Corporate Governance in 2025

**Nơi nhận/ Recipients:**

- Như Kính gửi;  
As addressed;
- Lưu VP;  
Archive at HO;

**CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFCO**  
**VINAFCO JOINT STOCK CORPORATION**  
**NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN**  
**PERSON RESPONSIBLE FOR INFORMATION DISCLOSURE**



**Nguyễn Xuân Thịnh**

Số/ No.: 0102/2026/BC-HĐQT

Hà Nội, ngày 28 tháng 01 năm 2026

Hanoi, dated 28 January, 2026

## **BÁO CÁO**

### **Tình hình quản trị Công ty năm 2025**

### **REPORT ON CORPORATE GOVERNANCE 2025**

**Kính gửi:** - Ủy ban chứng khoán Nhà nước;  
- Sở Giao dịch chứng khoán.

**To:** - *The State Securities Commission;*  
- *The Stock Exchange.*

- Tên công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFCO  
*Name of Company: VINAFCO JOINT STOCK CORPORATION*
- Địa chỉ trụ sở chính: Thôn Tụ Khoát, xã Thanh Trì, thành phố Hà Nội, Việt Nam  
*Address of head office: Tu Khoat Hamlet, Thanh Tri Commune, Hanoi City, Vietnam*
- Điện thoại/Tel: (84-24) 3768 5775 Fax: (84-24) 3768 4465  
Email: [info@vinafco.com.vn](mailto:info@vinafco.com.vn)
- Vốn điều lệ: 340.000.000.000 Đồng  
*Charter capital: 340.000.000.000 VND*
- Mã chứng khoán/ *Stock symbol* : VFC
- Mô hình quản trị công ty: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc.  
*Governance model: General Meeting of Shareholders, Board of Directors, Board of Supervisors, General Director.*
- Về việc thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ: Đã thực hiện.  
*The implementation of internal audit: Implemented.*



## I. Hoạt động của Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ)

### *Activities of the General Meeting of Shareholders*

Thông tin về các cuộc họp và Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông (bao gồm cả các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản):

*Information on meetings, Resolutions and Decisions of the General Meeting of Shareholders (including the resolutions of the General Meeting of Shareholders approved in the form of written comments):*

STT No.	Số Nghị quyết/ Quyết định Resolution/Decision No.	Ngày Date	Nội dung Content
1.	Nghị quyết số 0502/2025/NQ-ĐHĐCĐ Resolution No. 0502/2025/NQ-ĐHĐCĐ	23/05/2025	<ol style="list-style-type: none"><li>1. Thông qua báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024. <i>Approve the report on production and business results in 2024.</i></li><li>2. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2024 đã kiểm toán. <i>Approve the audited 2024 financial statements.</i></li><li>3. Thông qua kế hoạch kinh doanh và ngân sách năm 2025. <i>Approve the business plan and budget for 2025.</i></li><li>4. Thông qua báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2024 và kế hoạch hoạt động năm 2025. <i>Approval of the 2024 Board of Directors' performance report and the activity plan in 2025.</i></li><li>5. Thông qua báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2024 và kế hoạch hoạt động năm 2025. <i>Approve the Board of Supervisor's 2024 operation report and 2025 operation plan.</i></li></ol>



		<p>6. Thông qua phương án phân chia lợi nhuận năm 2024.</p> <p><i>Approve the profit distribution plan 2024.</i></p> <p>7. Phê duyệt quyết toán thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2024 và kế hoạch chi trả thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2025.</p> <p><i>Approve the remuneration settlement for the Board of Directors and the Board of Supervisors for the year 2024, and the plan for remuneration payment for the Board of Directors and the Board of Supervisors for 2025.</i></p> <p>8. Thông qua danh sách các Công ty kiểm toán thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm và báo cáo tài chính của Công ty năm 2025, năm 2026 và ủy quyền cho Ban kiểm soát lựa chọn.</p> <p><i>Approve the list of auditing firms to conduct the audit of the financial statements for the first six months and the annual financial statements of the Corporation for 2025 and 2026 and authorize the Board of Supervisors to make the selection.</i></p>
--	--	--

**II. Hội đồng quản trị (Báo cáo năm 2025):**

***Board of Directors (Annual report)***

1. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT)

*Information about the members of the Board of Directors:*

STT No.	Thành viên HĐQT Board of Directors' members	Chức vụ Position	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/ HĐQT độc lập The date becoming/ceasing to be the member of the Board of Directors	
			Ngày bổ nhiệm Date of appointment	Ngày miễn nhiệm Date of dismissal
1.	Ông/ Mr. Nguyễn Thái Hòa	Chủ tịch HĐQT Chairman of the BOD	25/4/2022	
2.	Ông/ Mr. Đặng Lưu Dũng	Thành viên Member	01/12/2018	
3.	Ông/ Mr. Takahashi Shinichi	Thành viên Member	25/4/2022	
4.	Ông/ Mr. Lý Lâm Duy	Thành viên Member	25/4/2022	
5.	Ông/ Mr. Niibayashi Naoki	Phó Chủ tịch Deputy Chairman of the BOD	15/05/2024	

2. Các cuộc họp HĐQT/Meetings of the Board of Directors:

STT No.	Thành viên HĐQT Board of Director' member	Số buổi họp HĐQT tham dự Number of meetings attended by Board of Directors	Tỷ lệ tham dự họp Attendance rate	Lý do không tham dự họp Reasons for absence
1.	Ông/Mr. Nguyễn Thái Hòa	05	100%	
2.	Ông/ Mr. Đặng Lưu Dũng	05	100%	

3.	Ông/ Mr. Takahashi Shinichi	05	100%	
4.	Ông/ Mr. Lý Lâm Duy	04	80%	Ông Lý Lâm Duy ủy quyền cho Ông Đặng Lưu Dũng tham gia họp ngày 23/05/2025 theo Giấy ủy quyền ngày 20/05/2025 <i>Mr. Ly Lam Duy authorized Mr. Dang Luu Dung to attend the meeting on May 23, 2025, pursuant to the Power of Attorney dated May 20, 2025</i>
5.	Ông/ Mr. Niibayashi Naoki	05	100%	

3. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban điều hành.

*Supervising the Board of Management by the Board of Directors:*

HĐQT ghi nhận nỗ lực của Ban điều hành Công ty trong việc điều hành hoạt động kinh doanh và công tác quản lý nói chung. Về công tác phối hợp giữa Ban điều hành và Hội đồng quản trị đã thực hiện theo đúng yêu cầu đề ra. Ngoài ra, Ban điều hành Công ty đã thực hiện công tác điều hành công ty theo đúng quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật, đảm bảo lợi ích hợp pháp của Công ty và cổ đông.

*The Board of Directors acknowledges the efforts of the Company's Executive Board in managing business operations and overall administration. Regarding the coordination between the Executive Board and the Board of Directors, it has been carried out in accordance with the established requirements. Additionally, the Executive Board has conducted the company's operations in compliance with the provisions of the Enterprise Law, the Company's Charter, and other legal regulations, ensuring the legitimate interests of the Company and its shareholders.*

4. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị (nếu có): Không có

*Activities of the Board of Directors' subcommittees (If any): None*

5. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị đã ban hành trong năm 2025:

*Resolutions/Decisions of the Board of Directors issued in 2025:*



STT No.	Số Nghị quyết/ Quyết định Resolution/ Decision No.	Ngày Date	Nội dung Content	Tỷ lệ thông qua Approval rate
1.	NQ số/ Resolution No. 0102/2025/NQ- HĐQT	10/01/2025	Phê duyệt cập nhật địa chỉ trụ sở chính của Công ty TNHH Tiếp Vận Vinafco Đình Vũ (Thông qua bằng lấy ý kiến bằng văn bản) Approval for updating the headquarters address of Vinafco Dinh Vu Logistics Limited Company (Approval by written consultation)	100%
2.	NQ số/ Resolution No. 0103/2025/NQ- HĐQT	10/01/2025	Phê duyệt điều chỉnh mức trích lương bổ sung năm 2024 (Thông qua bằng lấy ý kiến bằng văn bản) Approval for adjustment to additional salary in 2024 (Approval by written consultation)	100%
3.	NQ số/ Resolution No. 0104/2025/NQ- HĐQT	17/01/2025	Miễn nhiệm và bổ nhiệm người phụ trách quản trị Công ty Cổ phần Vinafco (Thông qua bằng lấy ý kiến bằng văn bản) Dismissal and appointment of the person in charge of corporate governance of Vinafco Joint Stock Corporation (Approval by written consultation)	100%
4.	QĐ Số/ Decision No. 010401/2025/QĐ- HĐQT	17/01/2025	Miễn nhiệm người phụ trách quản trị Công ty Cổ phần Vinafco (Thông qua bằng lấy ý kiến bằng văn bản) Dismissal of the person in charge of corporate governance of Vinafco Joint Stock Corporation (Approval by written consultation)	100%

STT No.	Số Nghị quyết/ Quyết định Resolution/ Decision No.	Ngày Date	Nội dung Content	Tỷ lệ thông qua Approval rate
5.	QĐ Số/ Decision No. 010402/2025/QĐ- HĐQT	17/01/2025	Bổ nhiệm người phụ trách quản trị Công ty Cổ phần Vinafco (Thông qua bằng lấy ý kiến bằng văn bản) <i>Appointment of the person in charge of corporate governance of Vinafco Joint Stock Corporation</i> (Approval by written consultation)	100%
6.	NQ số/ Resolution No. 0105/2025/NQ- HĐQT	07/01/2025	Phê duyệt biểu quyết tán thành thông qua Tờ trình số 001/2025/TTr-VTB ngày 02/01/2025 của Công ty Cổ phần vận tải biển Vinafco về việc chia sẻ tổn thất hàng hoá trong sự cố tàu Morning Vinafco- 715HS (Thông qua bằng lấy ý kiến bằng văn bản) <i>Approve the vote in favor of the submission No. 001/2025/TTr-VTB dated January 02, 2025 of Vinafco Shipping Joint Stock Company on sharing cargo losses in the incident of the vessel Morning Vinafco - 715HS (Approval by written consultation)</i>	100%
7.	NQ số/ Resolution No. 0301/2025/NQ- HĐQT	12/03/2025	Nghị quyết cuộc họp HĐQT ngày 12/03/2025 <i>Resolution of the Board of Directors meeting on March 12, 2025</i>	100%
8.	QĐ Số/ Decision No. 030101/2025/QĐ- HĐQT	12/03/2025	Phê duyệt việc thành lập Chi nhánh Công ty Cổ phần Vinafco tại Thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu <i>Approval of the establishment of the Vinafco Joint Stock Corporation Branch in Phu My Town, Ba Ria – Vung Tau province</i>	100%

STT No.	Số Nghị quyết/ Quyết định Resolution/ Decision No.	Ngày Date	Nội dung Content	Tỷ lệ thông qua Approval rate
9.	QĐ Số/ Decision No. 030102/2025/QĐ- HĐQT	12/03/2025	Ban hành Quy chế Công bố Thông tin Công ty Cổ phần Vinafco <i>Issuance of the Information Disclosure Regulation of Vinafco Joint Stock Corporation</i>	100%
10.	QĐ Số/ Decision No. 030103/2025/QĐ- HĐQT	12/03/2025	Phê duyệt việc thay đổi ngành nghề kinh doanh Chi nhánh Miền Nam - Công ty TNHH Vận tải và Dịch vụ Vinafco <i>Approval for the change of business activities of Southern Branch- Vinafco Transport and Services Co., Ltd</i>	100%
11.	QĐ Số/ Decision No. 030104/2025/QĐ- HĐQT	12/03/2025	Phê duyệt mua Ô tô Pajero Sport/Isuzu MUX- 7 chỗ <i>Approval of purchasing of a 7-seater Pajero Sport/Isuzu MUX</i>	100%
12.	QĐ Số/ Decision No. 030105/2025/QĐ- HĐQT	12/03/2025	Thành lập Phòng Pháp chế Công ty Cổ phần Vinafco <i>Establish the Legal Division of Vinafco Joint Stock Corporation</i>	100%
13.	QĐ Số/ Decision No. 030106/2025/QĐ- HĐQT	12/03/2025	Bổ nhiệm chức danh Giám đốc Tài chính Công ty Cổ phần Vinafco <i>Appointment of the Chief Financial Officer position of Vinafco Joint Stock Corporation</i>	100%
14.	QĐ Số/ Decision No. 030107/2025/QĐ- HĐQT	12/03/2025	Phê duyệt việc thay đổi ngành nghề kinh doanh Công ty TNHH Vận tải và Dịch vụ Vinafco <i>Approval for the change of business activities of Vinafco Transport and Services Co., Ltd</i>	100%

STT No.	Số Nghị quyết/ Quyết định Resolution/ Decision No.	Ngày Date	Nội dung Content	Tỷ lệ thông qua Approval rate
15.	QĐ Số/ Decision No. 030108/2025/QĐ- HĐQT	12/03/2025	Phê duyệt việc thay đổi ngành nghề kinh doanh Công ty TNHH Vận tải và Dịch vụ Vinafco Miền Trung <i>Approval for the change of business activities of Vinafco Central Region Transport and Services Co., Ltd</i>	100%
16.	NQ số/ Resolution No. 0303/2025/NQ- HĐQT	12/03/2025	Phê duyệt hạn mức tín dụng vay vốn lưu động năm 2025-2026 <i>Approval of credit limit for working capital loans in 2025-2026</i>	100%
17.	QĐ Số/ Decision No. 030301/2025/QĐ- HĐQT	12/03/2025	Phê duyệt hạn mức tín dụng vay vốn lưu động năm 2025-2026 tại Ngân hàng TMCP Quân Đội (MB Bank) của Công ty cổ phần Vinafco <i>Approval of bank facilities for working capital in 2025-2026 at Military Commercial Joint Stock Bank (MB Bank) of Vinafco Joint Stock Corporation</i>	100%
18.	QĐ Số/ Decision No. 030302/2025/QĐ- HĐQT	12/03/2025	Phê duyệt hạn mức tín dụng vay vốn lưu động năm 2025-2026 tại Ngân hàng TMCP Quân Đội (MB Bank) của Công ty TNHH Tiếp vận Vinafco <i>Approval of bank facilities for working capital in 2025-2026 at Military Commercial Joint Stock Bank (MB Bank) of Vinafco Logistics Company Limited</i>	100%
19.	QĐ Số/ Decision No. 030303/2025/QĐ- HĐQT	12/03/2025	Phê duyệt hạn mức tín dụng vay vốn lưu động năm 2025-2026 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Vietinbank) của Công ty Cổ phần Vinafco <i>Approval of bank facilities for working</i>	100%

STT No.	Số Nghị quyết/ Quyết định Resolution/ Decision No.	Ngày Date	Nội dung Content	Tỷ lệ thông qua Approval rate
			<i>capital in 2025-2026 at Vietnam Joint Stock Commercial Bank for Industry and Trade (Vietinbank) of Vinafco Joint Stock Corporation</i>	
20.	QĐ Số/ Decision No. 030304/2025/QĐ-HĐQT	12/03/2025	Phê duyệt hạn mức tín dụng vay vốn lưu động năm 2025-2026 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Vietinbank) của Công ty TNHH Vận tải và dịch vụ Vinafco  <i>Approval of bank facilities for working capital in 2025-2026 at Vietnam Joint Stock Commercial Bank for Industry and Trade (Vietinbank) of Vinafco Transportation and Service Company Limited</i>	100%
21.	QĐ Số/ Decision No. 030305/2025/QĐ-HĐQT	12/03/2025	Phê duyệt hạn mức tín dụng vay vốn lưu động năm 2025-2026 tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) của Công ty Cổ phần Vinafco  <i>Approval of bank facilities for working capital in 2025-2026 at Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade of Vietnam (Vietcombank) of Vinafco Joint Stock Corporation</i>	100%
22.	NQ số/ Resolution No. 0304/2025/NQ-HĐQT	31/03/2025	Phê duyệt việc thay đổi ngành nghề kinh doanh của Công ty TNHH Tiếp vận Vinafco <i>(Thông qua bằng lấy ý kiến bằng văn bản)</i>  <i>Approval for the change of business activities of Vinafco Logistics Company Limited</i>  <i>(Approval by written consultation)</i>	100%

STT No.	Số Nghị quyết/ Quyết định Resolution/ Decision No.	Ngày Date	Nội dung Content	Tỷ lệ thông qua Approval rate
23.	QĐ Số/ Decision No. 030401/2025/QĐ- HĐQT	31/03/2025	<p>Phê duyệt việc thay đổi ngành nghề kinh doanh của Công ty TNHH Tiếp vận Vinafco (Thông qua bằng lấy ý kiến bằng văn bản)</p> <p><i>Approval of the change of business activities of Vinafco Logistics Company Limited</i></p> <p><i>(Approval by written consultation)</i></p>	100%
24.	NQ số/ Resolution No. 0305/2025/NQ- HĐQT	12/03/2025	<p>Nghị quyết cuộc họp Hội đồng quản trị ngày 12/03/2025 về thời gian, địa điểm và chương trình nghị sự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025</p> <p><i>Resolution of the Board of Directors meeting on March 12, 2025 on time, location and agenda of Annual General Shareholders Meeting 2025</i></p>	100%
25.	NQ số/ Resolution No. 0306/2025/NQ- HĐQT	31/03/2025	<p>Phê duyệt phương án phân chia lợi nhuận năm 2024 của Công ty TNHH Vận tải và dịch vụ Vinafco (T&amp;S), Công ty TNHH Tiếp vận Vinafco (VLC), Công ty TNHH Vận tải và dịch vụ Vinafco Miền Trung (VFC Central), Công ty TNHH Một thành viên Vinafco Bình Dương (VFC Bình Dương), Công ty TNHH Một thành viên Vinafco Đà Nẵng (VFC Đà Nẵng)</p> <p>(Thông qua bằng lấy ý kiến bằng văn bản)</p> <p><i>Approval of the 2024 profit distribution plan of Vinafco Transportation and Services Co., Ltd (T&amp;S), Vinafco Logistics Company Limited (VLC), Vinafco Central Region Transport and Services Co., Ltd (VFC Central), Vinafco Binh Duong One Member Co., Ltd (VFC Binh Duong), Vinafco Da Nang One Member Co., Ltd (VFC Da</i></p>	100%

STT No.	Số Nghị quyết/ Quyết định Resolution/ Decision No.	Ngày Date	Nội dung Content	Tỷ lệ thông qua Approval rate
			Nang) (Approval by written consultation)	
26.	QĐ Số/ Decision No. 030601/2025/QĐ- HĐQT	31/03/2025	Phê duyệt Phương án phân chia lợi nhuận năm 2024 của Công ty TNHH Vận tải và dịch vụ Vinafco (Thông qua bằng lấy ý kiến bằng văn bản) Approval of the 2024 profit distribution plan of Vinafco Transportation and Services Company Limited (Approval by written consultation)	100%
27.	QĐ Số/ Decision No. 030602/2025/QĐ- HĐQT	31/03/2025	Phê duyệt phương án phân chia lợi nhuận năm 2024 của Công ty TNHH Tiếp vận Vinafco (Thông qua bằng lấy ý kiến bằng văn bản) Approval of the 2024 profit distribution plan of Vinafco Logistics Company Limited (Approval by written consultation)	100%
28.	QĐ Số/ Decision No. 030603/2025/QĐ- HĐQT	31/03/2025	Phê duyệt Phương án phân chia lợi nhuận năm 2024 của Công ty TNHH Vận tải và dịch vụ Vinafco Miền Trung (Thông qua bằng lấy ý kiến bằng văn bản) Approval of the 2024 profit distribution plan of Vinafco Central Region Transportation and Services Company Limited (Approval by written consultation)	100%

STT No.	Số Nghị quyết/ Quyết định Resolution/ Decision No.	Ngày Date	Nội dung Content	Tỷ lệ thông qua Approval rate
29.	QĐ Số/ Decision No. 030604/2025/QĐ- HĐQT	31/03/2025	Phê duyệt phương án phân chia lợi nhuận năm 2024 của Công ty TNHH Một thành viên Vinafco Bình Dương <i>(Thông qua bằng lấy ý kiến bằng văn bản)</i> <i>Approval of the 2024 profit distribution plan of Vinafco Binh Duong One Member Company Limited</i> <i>(Approval by written consultation)</i>	100%
30.	QĐ Số/ Decision No. 030605/2025/QĐ- HĐQT	31/03/2025	Phê duyệt Phương án phân chia lợi nhuận năm 2024 của Công ty TNHH Một thành viên Vinafco Đà Nẵng <i>(Thông qua bằng lấy ý kiến bằng văn bản)</i> <i>Approval of the 2024 profit distribution plan of Vinafco Da Nang One Member Company Limited</i> <i>(Approval by written consultation)</i>	100%
31.	NQ số/ Resolution No. 0401/2025/NQ- HĐQT	22/04/2025	Nghị quyết cuộc họp HĐQT ngày 22/04/2025 <i>Resolution of the Board of Directors meeting on April 22, 2025</i>	100%
32.	QĐ Số/ Decision No. 040101/2025/QĐ- HĐQT	22/04/2025	Phê duyệt nội dung và tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 <i>Approval of the content and meeting documents for the 2025 Annual General Meeting of Shareholders.</i>	100%

STT No.	Số Nghị quyết/ Quyết định Resolution/ Decision No.	Ngày Date	Nội dung Content	Tỷ lệ thông qua Approval rate
33.	QĐ Số/ Decision No. 0402/2025/QĐ- HĐQT	22/04/2025	Phê duyệt gia hạn thời gian tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 <i>Approve the extension of the time for holding the 2025 Annual General Meeting of Shareholders</i>	100%
34.	QĐ Số/ Decision No. 040102/2025/QĐ- HĐQT	22/04/2025	Phê duyệt đầu tư xe đầu kéo <i>Approval of the proposal for investment in tractor trucks</i>	100%
35.	QĐ Số/ Decision No. 0403/2025/QĐ- HĐQT	17/04/2025	Phê duyệt việc ký kết hợp đồng, giao dịch với người có liên quan <i>(Thông qua bằng lấy ý kiến bằng văn bản)</i> <i>Approve the signing of contracts and transactions with related parties</i> <i>(Approval by written consultation)</i>	100%
36.	NQ số/ Resolution No. 0501/2025/NQ- HĐQT	13/05/2025	Phê duyệt việc đề cử nhân sự tham gia bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinafco nhiệm kỳ 2022 – 2027 <i>(Thông qua bằng lấy ý kiến bằng văn bản)</i> <i>Approval of the nomination of candidates for the election of members of the Board of Directors and the Supervisor Committee of Vinafco Shipping Joint Stock Company for the term 2022-2027</i> <i>(Approval by written consultation)</i>	100%
37.	NQ số/ Resolution No. 0503/2025/NQ- HĐQT	23/05/2025	Nghị quyết cuộc họp HĐQT ngày 23/05/2025 <i>Resolution of the Board of Directors meeting on May 23, 2025</i>	100%

STT No.	Số Nghị quyết/ Quyết định Resolution/ Decision No.	Ngày Date	Nội dung Content	Tỷ lệ thông qua Approval rate
38.	QĐ Số/ Decision No. 050301/2025/QĐ- HĐQT	23/05/2025	Phê duyệt điều chỉnh một số nội dung của Dự án đầu tư kho 2.880m <sup>2</sup> tại DC Thanh Tri  <i>On: Approval of adjustments to some contents of the 2,880m<sup>2</sup> warehouse investment project at Thanh Tri DC</i>	100%
39.	NQ số/ Resolution No. 0601/2025/NQ- HĐQT	04/06/2025	Chuyển địa điểm văn phòng làm việc tại khu vực Hồ Chí Minh  <i>(Thông qua bằng lấy ý kiến bằng văn bản)</i> <i>Changing office location in Ho Chi Minh City</i>  <i>(Approval by written consultation)</i>	100%
40.	NQ số/ Resolution No. 0602/2025/NQ- HĐQT	16/06/2025	Phê duyệt triển khai phương án chi trả cổ tức năm 2024  <i>(Thông qua bằng lấy ý kiến bằng văn bản)</i> <i>Approve the implementation of the 2024 dividend payment plan</i>  <i>(Approval by written consultation)</i>	100%
41.	NQ số/ Resolution No. 0603/2025/NQ- HĐQT	20/06/2025	Phê duyệt phân bổ quỹ khen thưởng 2024  <i>(Thông qua bằng lấy ý kiến bằng văn bản)</i> <i>Approve 2024 bonus fund distribution</i>  <i>(Approval by written consultation)</i>	100%
42.	QĐ số/ Decision No. 0701/2025/QĐ- HĐQT	15/07/2025	Phê duyệt thay đổi địa chỉ Công ty Cổ phần Vinafco – Chi nhánh miền Nam  <i>(Thông qua bằng lấy ý kiến bằng văn bản)</i> <i>Approval of the address change for Vinafco Joint Stock Corporation – Southern Branch</i>  <i>(Approval by written consultation)</i>	100%

STT No.	Số Nghị quyết/ Quyết định Resolution/ Decision No.	Ngày Date	Nội dung Content	Tỷ lệ thông qua Approval rate
43.	QĐ số/ Decision No. 0702/2025/QĐ- HĐQT	15/07/2025	Phê duyệt thay đổi địa chỉ Chi nhánh miền Nam – Công ty TNHH Vận tải và Dịch vụ Vinafco  (Thông qua bằng lấy ý kiến bằng văn bản)  <i>Approval of the address change for the Southern Branch – Vinafco Transportation and Services Company Limited</i>  (Approval by written consultation)	100%
44.	NQ số/ Resolution No. 0703/2025/NQ- HĐQT	31/07/2025	Nghị Quyết cuộc họp HĐQT 31/07/2025  <i>Resolution of the Board of Directors meeting on July 31, 2025</i>	100%
45.	NQ số/ Resolution No. 0901/2025/NQ- HĐQT	08/09/2025	Phê duyệt phương án đầu tư xe tải lạnh  (Thông qua bằng lấy ý kiến bằng văn bản)  <i>Approve the refrigerated truck investment plan</i>  (Approval by written consultation)	100%
46.	NQ số/ Resolution No. 0902/2025/NQ- HĐQT	23/09/2025	Xin phê duyệt thanh lý phương tiện vận tải tại Công ty Cổ phần Vinafco  (Thông qua bằng lấy ý kiến bằng văn bản)  <i>Approval for liquidation of vehicles at Vinafco Joint Stock Corporation</i>  (Approval by written consultation)	100%
47.	NQ số/ Resolution No. 0903/2025/NQ- HĐQT	01/10/2025	Phê duyệt việc tham gia hiệp hội IATA và mở bảo lãnh ngân hàng  (Thông qua bằng lấy ý kiến bằng văn bản)  <i>Approval for Participation in the IATA Association and Issuance of a Bank</i>	100%

STT No.	Số Nghị quyết/ Quyết định Resolution/ Decision No.	Ngày Date	Nội dung Content	Tỷ lệ thông qua Approval rate
			Guarantee (Approval by written consultation)	
48.	QĐ số/ Decision No. 090301/2025/QĐ- HĐQT	01/10/2025	Phê duyệt việc tham gia hiệp hội IATA và mở bảo lãnh ngân hàng (Thông qua bằng lấy ý kiến bằng văn bản) Approval for Participation in the IATA Association and Issuance of a Bank Guarantee (Approval by written consultation)	100%
49.	NQ số/ Resolution No. 1001/2025/NQ- HĐQT	21/10/2025	Nghị Quyết cuộc họp HĐQT 21/10/2025 Resolution of the Board of Directors meeting on October 21, 2025	100%
50.	QĐ số/ Decision No. 100101/2025/QĐ- HĐQT	21/10/2025	Phê duyệt thay đổi mẫu dấu của Công ty Cổ phần Vinafco, Công ty Cổ phần Vinafco- Chi nhánh Miền Nam và Công ty Cổ phần Vinafco- Chi nhánh Cảng Quốc tế phía Nam Approval of the change in the seal design of Vinafco Joint Stock Corporation, Vinafco Joint Stock Corporation- Southern Branch, Vinafco Joint Stock Corporation- Southern International Port Branch	100%
51.	QĐ số/ Decision No. 100102/2025/QĐ- HĐQT	21/10/2025	Phê duyệt thay đổi mẫu dấu của Công ty Cổ phần Vinafco và cho phép các Công ty/đơn vị thành viên sử dụng mẫu dấu Công ty theo nhận diện chung của Vinafco Approval of the change of Vinafco Joint Stock Corporation's corporate seal and authorize its subsidiaries/member units to use the Company seal in accordance with	100%

STT No.	Số Nghị quyết/ Quyết định Resolution/ Decision No.	Ngày Date	Nội dung Content	Tỷ lệ thông qua Approval rate
			<i>Vinafco's unified corporate identity</i>	
52.	NQ số/ Resolution No. 1201/2025/NQ- HĐQT	26/12/2025	<p>Chuyển đổi pháp nhân hoạt động sản xuất kinh doanh mảng vận tải bộ tại khu vực Miền Nam và Phê duyệt Bổ nhiệm chức danh Giám đốc Công ty Cổ phần Vinafco - Chi nhánh Miền Nam</p> <p><i>(Thông qua bằng lấy ý kiến bằng văn bản)</i></p> <p><i>Transformation of the legal entity for road transportation business operations in the Southern region and Approval of the appointment of the Director of Vinafco Joint Stock Corporation – Southern Branch</i></p> <p><i>(Approval by written consultation)</i></p>	100%
53.	QĐ số/ Decision No. 120101/2025/QĐ- HĐQT	26/12/2025	<p>Miễn nhiệm chức danh GD – Chi nhánh miền Nam Công ty Cổ phần Vinafco đối với ông Bùi Minh Hưng</p> <p><i>(Thông qua bằng lấy ý kiến bằng văn bản)</i></p> <p><i>Dismissal of Mr. Bui Minh Hung from the position of Director of Vinafco Joint Stock Corporation – Southern Branch</i></p> <p><i>(Approval by written consultation)</i></p>	100%
54.	NQ số/ Resolution No. 1202/2025/NQ- HĐQT	31/12/2025	<p>Phê duyệt việc ký kết hợp đồng, giao dịch với các bên có liên quan trong năm 2026</p> <p><i>(Thông qua bằng lấy ý kiến bằng văn bản)</i></p> <p><i>Approval of signing contracts and transactions with related parties in 2026</i></p> <p><i>(Approval by written consultation)</i></p>	100%

### III. Ban kiểm soát (Báo cáo năm 2025)

*Board of Supervisors (Report in 2025)*

#### 1. Thông tin về thành viên Ban kiểm soát (BKS):

*Information about members of Board of Supervisors*

STT No.	Thành viên BKS <i>Members of the Board of Supervisors</i>	Chức vụ <i>Position</i>	Ngày bắt đầu là thành viên BKS <i>The date becoming the member of the Board of Supervisors</i>	Trình độ chuyên môn <i>Qualification</i>
1.	Bà/Mrs. Nguyễn Thị Huyền Oanh	Trưởng BKS <i>Head of the Board of Supervisors</i>	25/4/2022	Cử nhân kế toán kiểm toán <i>Bachelor of Accounting - Auditing</i>
2.	Bà/Mrs. Trần Thị Nhuồng	Thành viên <i>Member</i>	25/4/2022	Thạc sỹ luật học <i>Master of Law</i>
3.	Bà/ Mrs. Trần Thị Thu Hương	Thành viên <i>Member</i>	25/4/2022	Cử nhân kế toán kiểm toán <i>Bachelor of Accounting - Auditing</i>

#### 2. Cuộc họp của BKS:

*Meetings of Board of Supervisors*

STT No.	Thành viên BKS <i>Member of Board of Supervisors</i>	Số buổi họp tham dự <i>Number of meetings attended</i>	Tỷ lệ tham dự họp <i>Attendanc e rate</i>	Tỷ lệ biểu quyết <i>Voting rate</i>	Lý do không tham dự họp <i>Reasons for absence</i>
1.	Bà/Mrs. Nguyễn Thị Huyền Oanh	04	100%	100%	
2.	Bà/ Mrs. Trần Thị Nhuồng	04	100%	100%	
3.	Bà/ Mrs. Trần Thị Thu Hương	04	100%	100%	

3. Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban điều hành cũng như sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban điều hành và các cán bộ quản lý khác:

*Supervisory activities of the Board of Supervisors over the Board of Directors, the Executive Board as well as the coordination of activities between the Board of Supervisors and the activities of the Board of Directors, the Executive Board and other management staff:*

- a. Đánh giá hoạt động của HĐQT:

*Evaluation of the activities of the Board of Directors:*

Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị thông qua các cuộc họp, cách thức Hội đồng quản trị trao đổi trước khi đưa ra quyết định, ban hành Nghị quyết của Hội đồng quản trị.

*The Board of Supervisors supervises the Board of Directors through meetings and how the Board of Directors consults before making decisions and promulgating resolutions of the Board of Directors.*

- Các nội dung quan trọng đều được các thành viên HĐQT thảo luận công khai, dân chủ trong cuộc họp Hội đồng quản trị. Mọi vấn đề đều được các thành viên HĐQT thảo luận thấu đáo, xem xét đánh giá cẩn trọng mọi khía cạnh của vấn đề trước khi ra Nghị quyết.

*Important contents are discussed openly and democratically by members of the Board of Directors at the Board of Directors' meeting. All issues are thoroughly discussed by members of the Board of Directors, carefully considering, and evaluating all aspects of the issue before making a Resolution.*

- Hội đồng quản trị Công ty đã tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 vào ngày 23/05/2025, thực hiện việc chi trả cổ tức đúng Nghị quyết được ĐHĐCĐ thông qua. Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025, kế hoạch kinh doanh do HĐQT và Ban điều hành lập đã được thông qua;

*The Board of Directors of the Company successfully held the 2025 Annual General Meeting of Shareholders on May 23, 2025, paying dividends in accordance with the Resolution approved by the General Meeting of Shareholders. At the 2025 Annual General Meeting of Shareholders, the business plan prepared by the Board of Directors and the Executive Board was approved;*

- Trong quá trình thực thi nhiệm vụ, Ban kiểm soát đã được HĐQT Công ty tạo mọi điều kiện thuận lợi để hoàn thành công việc.

*During the performance of its duties, the Board of Supervisors was provided with all favorable conditions by the Corporation's Board of Directors to complete its tasks.*

- Ban Kiểm soát Công ty được HĐQT mời tham gia đầy đủ các cuộc họp thường kỳ của HĐQT.

*The Board of Supervisors of the Company was invited by the Board of Directors to attend all regular meetings of the Board of Directors.*

b. Đánh giá hoạt động của Ban điều hành và các cán bộ quản lý khác

*Evaluation of the performance of the Executive Board and other management staff*

- Ban kiểm soát thực hiện giám sát hoạt động của Ban điều hành thông qua việc chấp hành các Nghị quyết của Hội đồng quản trị cũng như cơ chế phân quyền giữa Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc được quy định trong quy chế, quy định của Công ty.

*The Board of Supervisors supervises the activities of the Executive Board by ensuring compliance with the Resolutions of the Board of Directors, as well as the delegation mechanism between the Board of Directors and the General Director as stipulated in the Corporation's regulations and policies.*

- Ban điều hành luôn bám sát và thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết của HĐQT đã ban hành.

*The Executive Board consistently adheres to and strictly implements the Resolutions issued by the Board of Directors.*

- Ban điều hành thực hiện báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh định kỳ hàng quý gửi Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát trong đó thể hiện mọi vấn đề trọng yếu về hoạt động tài chính cũng như hệ thống kế toán và các vấn đề lớn phát sinh cần quan tâm trong hoạt động kinh doanh của Công ty.

*The Executive Board submits quarterly business performance reports to the Board of Directors and the Board of Supervisors, which reflect all significant issues related to financial operations, the accounting system, and major concerns arising in the Corporation's business activities.*

- Ban kiểm soát đã thực hiện xem xét báo cáo tài chính quý và cả năm trên cơ sở báo cáo tài chính do Công ty lập và kết quả kiểm toán BCTC 6 tháng và BCTC cả năm 2025 của Công ty kiểm toán độc lập.

*The Board of Supervisors has reviewed the quarterly and annual financial statements based on the financial statements prepared by the company and the audit results of the 6-month financial statements and the full year 2025 financial statements of the independent auditing company.*

Kết quả giám sát/*Monitoring results:*

- Hội đồng quản trị đã giám sát chặt chẽ và chỉ đạo kịp thời Ban điều hành trong hoạt động điều hành sản xuất kinh doanh, giám sát việc thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ đã được thông qua;

*The Board of Directors has closely supervised and promptly directed the Executive Board in production and business operations, supervising the implementation of the approved Resolution of the General Meeting of Shareholders;*

- Các Nghị quyết của HĐQT đã ban hành đúng với chức năng, quyền hạn và phù hợp với Nghị quyết ĐHĐCĐ, hoàn toàn tuân thủ Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật;

*The Resolutions issued by the Board of Directors were in accordance with their functions, authority and in accordance with the Resolutions of the Annual General Meeting of Shareholders, and fully complied with the Enterprise Law, the Company's Charter, and relevant legal regulations.*

- HĐQT đã tiến hành họp định kỳ và bất thường theo quy định pháp luật;

*The Board of Directors conducted regular and extraordinary meetings as required by law;*

- Báo cáo tài chính năm 2025 được lập và trình bày trung thực, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành; phản ánh trung thực tình hình tài chính và sản xuất kinh doanh của Công ty.

*The financial statements in the year 2025 are prepared and presented honestly, in accordance with Vietnamese accounting standards and current regulations; Honestly reflects the financial situation and business operations of the Company.*

- Ban Kiểm soát không nhận được bất cứ yêu cầu nào của cổ đông hoặc nhóm cổ đông yêu cầu xem xét về hoạt động của Công ty, về việc điều hành của Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty.

*The Board of Supervisors has not received any requests from shareholders or groups of shareholders to review the Company's operations, the management of the Board of Directors and the General Director of the Company.*

- Ban kiểm soát không phát hiện điều gì bất thường trong công tác quản lý điều hành của Ban điều hành dẫn tới rủi ro cho Công ty.

*The Board of Supervisors did not detect anything unusual in the management and operation of the Executive Board that led to risks for the Company.*

- c. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban điều hành và các bộ phận quản lý khác

*Coordination between the Board of Supervisors and the Board of Directors, the Executive Board and other management departments*

- BKS đã nhận được sự phối hợp, hợp tác tốt từ HĐQT và Ban điều hành. Ban điều hành và các cán bộ quản lý tại các phòng ban trong Công ty đã tạo điều kiện về cơ sở vật chất cũng như cung cấp đầy đủ thông tin tài liệu cho công tác kiểm tra, giám sát của BKS;

*The Board of Supervisors has received good coordination and cooperation from the Board of Directors and the Executive Board. The Executive Board and management staff in the Company's departments have created favorable conditions in terms of facilities as well as provided full information and documents for the Board of Supervisors inspection and supervision work;*

- Hoạt động của BKS được thực hiện theo đúng quy định pháp luật, Điều lệ Công ty, Nghị quyết của ĐHĐCĐ Công ty;

*The Board of Supervisors activities are carried out by the law, the Company's Charter, and the Resolutions of the Company's General Meeting of Shareholders;*

4. Hoạt động khác của BKS (nếu có): Không có

*Other activities of the Board of Supervisors: None*

**IV. Ban điều hành***Board of Management*

STT No.	Thành viên Ban điều hành <i>Member of Board of Management</i>	Ngày tháng năm sinh <i>Date of birth</i>	Trình độ chuyên môn <i>Qualification</i>	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm thành viên Ban điều hành <i>Date of appointment/dismissal of members of the Board of Management</i>	
				Ngày bổ nhiệm <i>Date of appointment</i>	Ngày miễn nhiệm <i>Date of dismissal</i>
1.	Ông/Mr. Bùi Minh Hưng Tổng Giám đốc <i>General Director</i>	21/09/1977	Kỹ sư Kinh tế vận tải biển <i>Marine Transportation Economics Engineer</i> Cử nhân ngoại ngữ - Tiếng anh <i>Bachelor of Foreign Languages - English</i>	01/07/2024	
2.	Ông/ Mr. Nguyễn Huy Dương Phó Tổng Giám đốc <i>Deputy General Director</i>	13/02/1979	Cử nhân kinh tế công nghiệp <i>Bachelor of Industrial Economics</i>	22/08/2024	
3.	Ông/Mr. Nguyễn Minh Đạt Giám đốc Tài chính <i>Chief Financial Officer</i>	21/09/1994	Cử nhân kinh tế đối ngoại <i>Bachelor of International Economics</i>	15/03/2025	

**V. Kế toán trưởng/ Chief Accountant**

Họ và tên <i>Name</i>	Ngày tháng năm sinh <i>Date</i>	Trình độ chuyên môn nghiệp vụ <i>Qualification</i>	Ngày bổ nhiệm <i>Date of appointment</i>
Bà/ Mrs. Lê Thị Minh Phương	04/9/1975	Cử nhân kinh tế chuyên ngành kế toán kiểm toán <i>Bachelor of Economics, major in Accounting - Auditing</i>	17/5/2016

**VI. Đào tạo về quản trị công ty:**

***Training courses on corporate governance:***

- Hoạt động đào tạo về công tác quản trị luôn được Công ty chú trọng để nâng cao hiệu quả quản trị doanh nghiệp của Công ty Cổ phần Vinafco;

*Training activities on governance are always prioritized by Vinafco Joint Stock Company to enhance the efficiency of its corporate governance.*

- Các khóa đào tạo về quản trị công ty mà các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng giám đốc điều hành, các cán bộ quản lý khác và Thư ký công ty đã tham gia theo quy định về quản trị công ty: Công ty đã tạo điều kiện để nhân sự tham gia các khoá đào tạo, hội thảo về quản trị công ty, về luật doanh nghiệp, luật chứng khoán do Ủy ban chứng khoán nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội tổ chức cũng như tham dự các khoá học ngắn hạn thuộc lĩnh vực liên quan khác.

*The training programs on corporate governance attended by members of the Board of Directors, members of the Board of Supervisors, the General Director, other managers, and the Company Secretary in accordance with regulations on corporate governance: The company has facilitated personnel participation in training courses and seminars on corporate governance, corporate law, and securities law organized by the State Securities Commission, and the Hanoi Stock Exchange, as well as short-term courses in other relevant fields.*

**VII. Danh sách người có liên quan của công ty đại chúng (Báo cáo năm 2025) và giao dịch của người có liên quan của Công ty với chính Công ty:**

***The list of affiliated persons of the public company (Annual report) and transactions of affiliated persons of the Company:***

1. Danh sách về người có liên quan của Công ty

*The list of affiliated persons of the public company*

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization /individual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the Company (if any)</i>	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp <i>No. NSH; date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty <i>Relationship with the Company</i>
1.	Ông/Mr. Nguyễn Thái Hòa		Chủ tịch HĐQT <i>Chairman of the Board</i>			25/4/2022		Được bầu làm Chủ tịch HĐQT theo Nghị quyết số 033/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/4/2022 và Nghị quyết số 035/2022/NQ – HĐQT (nhiệm kỳ 2022-2027) <i>Elected as Chairman of the Board according to Resolution No 033/2022/NQ-ĐHĐCĐ dated April 25, 2022, Resolution No 035/2022/NQ – HĐQT dated April 25, 2022 (term 2022-2027)</i>	Người nội bộ <i>Internal person</i>
2.	Ông/Mr. Takahashi		Thành viên HĐQT			25/4/2022		Được bầu làm Thành viên HĐQT	Người nội bộ <i>Internal person</i>

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân Name of organization/individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the Company (if any)	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp No. NSH; date of issue, place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ Address	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan Time of starting to be affiliated person	Thời điểm không còn là người có liên quan Time of ending to be affiliated person	Lý do Reasons	Mối quan hệ liên quan với công ty Relationship with the Company
	Shinichi		Member of the Board of Directors					theo Nghị quyết số 033/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/4/2022 (nhiệm kỳ 2022-2027) Elected as BOD Member according to Resolution No 033/2022/NQ-ĐHĐCĐ dated April 25, 2022 (term 2022-2027)	
3.	Ông/Mr. Đặng Lưu Dũng		Thành viên HĐQT Member of the Board of Directors			1/12/2018		Được bầu làm Thành viên HĐQT theo Nghị quyết số 033/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/4/2022 (nhiệm kỳ 2022-2027) Elected as BOD Member according to Resolution No 033/2022/NQ-ĐHĐCĐ dated April 25, 2022 (term 2022-2027)	Người nội bộ Internal person
4.	Ông/Mr. Lý Lâm Duy		Thành viên HĐQT			25/4/2022		Được bầu làm Thành viên HĐQT	Người nội bộ Internal person



STT No.	Tên tổ chức/cá nhân Name of organization/individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the Company (if any)	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp No. NSH; date of issue, place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ Address	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan Time of starting to be affiliated person	Thời điểm không còn là người có liên quan Time of ending to be affiliated person	Lý do Reasons	Mối quan hệ liên quan với công ty Relationship with the Company
			Member of the Board of Directors					theo Nghị quyết số 033/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/4/2022 (nhiệm kỳ 2022-2027) Elected as BOD Member according to Resolution No 033/2022/NQ-ĐHĐCĐ dated April 25, 2022 (term 2022-2027)	
5.	Ông/Mr. Niibayashi Naoki		Phó Chủ tịch HĐQT Vice Chairman of Board of Directors			15/5/2024		Được bầu làm Phó Chủ tịch HĐQT theo Nghị quyết số 050301/2024/NQ-HĐQT ngày 15/4/2024 (nhiệm kỳ 2022-2027) Elected as Vice Chairman of the BOD according to Resolution No 050301/2024/NQ-HĐQT dated April 15, 2024 (term 2022-2027)	Người nội bộ Internal person

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân Name of organization/individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the Company (if any)	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp No. NSH; date of issue, place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ Address	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan Time of starting to be affiliated person	Thời điểm không còn là người có liên quan Time of ending to be affiliated person	Lý do Reasons	Mối quan hệ liên quan với công ty Relationship with the Company
6.	Bà/Mrs. Nguyễn Thị Huyền Oanh		Trưởng BKS Head of Supervisory Board			25/4/2022		Được bầu làm Trưởng BKS theo Nghị quyết số 033/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/4/2022 và Biên bản họp số 01/2022/BB-BKS ngày 25/4/2022 (nhiệm kỳ 2022-2027) Elected as Head of the Supervisory Board according to Resolution No. 033/2022/NQ-ĐHĐCĐ dated April 25, 2022, and Meeting Minutes No. 01/2022/BB-BKS dated April 25, 2022 (term 2022-2027)	Người nội bộ Internal person
7.	Bà/Mrs. Trần Thị Nường		Thành viên BKS Member of Supervisory Board			25/4/2022		Được bầu làm Thành viên BKS theo Nghị quyết số 033/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày	Người nội bộ Internal person

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân Name of organization /individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the Company (if any)	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp No. NSH; date of issue, place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ Address	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan Time of starting to be affiliated person	Thời điểm không còn là người có liên quan Time of ending to be affiliated person	Lý do Reasons	Mối quan hệ liên quan với công ty Relationship with the Company
								25/4/2022 (nhiệm kỳ 2022-2027) Elected as Head of the Supervisory Board according to Resolution No. 033/2022/NQ-ĐHĐCĐ dated April 25, 2022 (term 2022-2027)	
8.	Bà/Mrs. Trần Thị Thu Hương		Thành viên BKS Member of Supervisory Board			25/4/2022		Được bầu làm Thành viên BKS theo Nghị quyết số 033/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/4/2022 (nhiệm kỳ 2022-2027) Elected as Head of the Supervisory Board according to Resolution No. 033/2022/NQ-ĐHĐCĐ dated April 25, 2022 (term 2022-2027)	Người nội bộ Internal person
9.	Ông/ Mr. Bùi Minh Hưng		Tổng giám đốc General			01/7/2024		Được bổ nhiệm Tổng Giám đốc theo Quyết định số	Người nội bộ Internal person

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization /individual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the Company (if any)</i>	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp <i>No. NSH; date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty <i>Relationship with the Company</i>
			Director					060205/2024/ QĐ- HDQT ngày 17/06/2024 <i>Appointed as General Director according to Decision No. 060205/2024/ QĐ- HDQT dated June 17, 2024</i>	
10.	Ông/ Mr. Nguyễn Huy Duong		Phó Tổng Giám đốc <i>Deputy General Director</i>			22/8/2024		Được bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc theo Quyết định số 080101/2024/ QĐ- HDQT ngày 22/8/2024 <i>Appointed as Deputy General Director according to Decision No. 080101/2024 /QĐ- HDQT dated August 22, 2024</i>	Người nội bộ <i>Internal person</i>
11.	Ông/ Mr. Nguyễn Minh Đạt		Giám đốc Tài chính <i>Chief Financial Officer</i>			12/03/2025		Được bổ nhiệm Giám đốc Tài chính theo Quyết định số 030106/2025/ QĐ- HDQT ngày	Người nội bộ <i>Internal person</i>

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân Name of organization /individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the Company (if any)	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp No. NSH; date of issue, place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ Address	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan Time of starting to be affiliated person	Thời điểm không còn là người có liên quan Time of ending to be affiliated person	Lý do Reasons	Mối quan hệ liên quan với công ty Relationship with the Company
								12/03/2025 Appointed as Chief Financial Officer (CFO) according to Decision No. 030106/2025/QĐ-HDQT dated March 12, 2025	
12.	Ông/ Mr. Nguyễn Trường Minh		Giám đốc khối hỗ trợ vận hành Director of Operation Support			13/06/2024		Được bổ nhiệm Giám đốc khối hỗ trợ vận hành Appointed as Director of Operation Support	Người quản lý Enterprise Manager
13.	Bà/ Mrs. Lê Thị Minh Phương		Kế toán trưởng Chief Accountant			17/5/2016		Được bổ nhiệm làm Kế toán trưởng Appointed as Chief Accountant	Người nội bộ Internal person
14.	Bà/ Ms. Trần Thị Hồng		Người phụ trách quản trị công ty, người được ủy quyền công bố thông tin Corporate Governance			05/04/2024	17/1/2025	Được bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty, người được ủy quyền công bố thông tin theo Quyết định số 030102/2024/ QĐ-HDQT ngày	Người nội bộ Internal person

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân Name of organization/individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the Company (if any)	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp No. NSH; date of issue, place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ Address	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan Time of starting to be affiliated person	Thời điểm không còn là người có liên quan Time of ending to be affiliated person	Lý do Reasons	Mối quan hệ liên quan với công ty Relationship with the Company
			Officer and Authorized Disclosure Representative					<p>28/03/2024</p> <p>Miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty, người được ủy quyền công bố thông tin theo Quyết định số 010401/2025/QĐ-HĐQT ngày 17/01/2025</p> <p>Appointed as Corporate Governance Officer and Authorized Disclosure Representative according to Decision No. 030102/2024/QĐ-HĐQT dated March 28, 2024</p> <p>Dismissed from Corporate Governance Officer and Authorized Disclosure Representative according to Decision No.</p>	

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân Name of organization/individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the Company (if any)	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp No. NSH; date of issue, place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ Address	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan Time of starting to be affiliated person	Thời điểm không còn là người có liên quan Time of ending to be affiliated person	Lý do Reasons	Mối quan hệ liên quan với công ty Relationship with the Company
								010401/2025/QĐ-HDQT dated January 17, 2025	
15.	Ông/ Mr. Nguyễn Xuân Thịnh		Người phụ trách quản trị công ty, người được ủy quyền công bố thông tin Corporate Governance Officer and Authorized Disclosure Representative			17/01/2025		Được bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty, người được ủy quyền công bố thông tin theo Quyết định số 010402/2025/ QĐ-HĐQT ngày 17/01/2025 Appointed as Corporate Governance Officer and Authorized Disclosure Representative according to Decision No. 010401/2025/QĐ-HDQT dated January 17, 2025	Người nội bộ Internal person
16.	Bà/ Mrs. Nguyễn Thuý Hà		Thư ký Công ty Company Secretary			05/04/2024		Được bổ nhiệm Thư ký Công ty theo Quyết định số 030102/2024/ QĐ-	Người nội bộ Internal person

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân Name of organization/individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the Company (if any)	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp No. NSH; date of issue, place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ Address	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan Time of starting to be affiliated person	Thời điểm không còn là người có liên quan Time of ending to be affiliated person	Lý do Reasons	Mối quan hệ liên quan với công ty Relationship with the Company
								HDQT ngày 28/03/2024 Appointed as Company Secretary according to Decision No. 030102/2024/QĐ-HDQT dated March 28, 2024	
17.	Công ty cổ phần Logistics ASG ASG Logistics Joint Stock Company			ĐKDN số 4601126886 do Sở KHĐT tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 18/4/2013 Business Registration No. 4601126886 issued by the Department of Planning and Investment of Thai Nguyen province on April 18, 2013	Lô số 5, KCN Yên Bình, phường Vạn Xuân, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam Lot No. 5, Yen Binh Industrial Park, Van Xuan Ward, Thai Nguyen Province, Vietnam	27/05/2022			Công ty mẹ (sở hữu 51,59%) Parent Company (51.59% ownership)
18.	Công ty TNHH Vận tải ASG ASG Transport Company Limited			ĐKDN số 4601547193 do Sở KHĐT tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 29/10/2019 Business Registration No. 4601547193 issued by the	Lô số 5, KCN Yên Bình, phường Vạn Xuân, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam Lot No. 5, Yen Binh Industrial Park, Van Xuan Ward, Thai	27/5/2022			Doanh nghiệp do công ty mẹ chi phối Enterprise controlled by parent company

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân Name of organization /individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the Company (if any)	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp No. NSH; date of issue, place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ Address	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan Time of starting to be affiliated person	Thời điểm không còn là người có liên quan Time of ending to be affiliated person	Lý do Reasons	Mối quan hệ liên quan với công ty Relationship with the Company
				Department of Planning and Investment of Thai Nguyen province on October 29, 2019	Nguyen Province, Vietnam				
19.	Công ty Cổ phần Dịch vụ Sân Bay Sài Gòn Sai Gon Airfield Services Joint Stock Company			ĐKDN số 0107372515 do Sở KHĐT Thành phố Hà Nội cấp ngày 25/03/2016 Business Registration No. 0107372515 issued by Hanoi Department of Planning and Investment on March 25, 2016	Khu Dịch vụ Logistics, Cảng HKQT Nội Bài, xã Nội Bài, Thành phố Hà Nội, Việt Nam Logistics Service Area, Noi Bai International Airport, Noi Bai Commune, Hanoi City, Vietnam	27/5/2022			Doanh nghiệp do công ty mẹ chi phối Enterprise controlled by parent company
20.	Công ty Cổ phần Logistics Vietair Logistics Joint Stock Company			ĐKDN số 0314023199 do Sở KHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 21/9/2016 Business Registration No. 0314023199 issued by Ho Chi Minh City Department of Planning and Investment on September 21, 2016	Tầng 01, Tòa Nhà Hải Âu, 39B Trường Sơn, phường Tân Sơn Nhất, Thành phố Hồ Chí Minh Floor 01, Hai Au Building, 39B Truong Son Street, Tan Son Nhat Ward, Ho Chi Minh City.	27/5/2022			Doanh nghiệp do công ty mẹ chi phối Enterprise controlled by parent company

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân Name of organization/individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the Company (if any)	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp No. NSH; date of issue, place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ Address	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan Time of starting to be affiliated person	Thời điểm không còn là người có liên quan Time of ending to be affiliated person	Lý do Reasons	Mối quan hệ liên quan với công ty Relationship with the Company
21.	Công ty TNHH Dịch vụ hàng không ASG ASG Aviation Services Co., Ltd.			ĐKDN số 0109240049 do Sở KH&ĐT thành phố Hà Nội cấp ngày 24/06/2020 Business Registration No. 0109240049 issued Hanoi Department of Planning and Investment on June 24, 2020	Khu Dịch vụ Logistics, Cảng HKQT Nội Bài, xã Nội Bài, Thành phố Hà Nội, Việt Nam Logistics Service Area, Noi Bai International Airport, Noi Bai Commune, Hanoi City, Vietnam	27/5/2022			Doanh nghiệp do công ty mẹ chi phối Enterprise controlled by parent company
22.	Công ty TNHH Tiếp Vận Vinafco Vinafco Logistics Company Limited			ĐKDN số 0106641275 do Sở KHĐT thành phố Hà Nội cấp ngày 22/7/2003 Business Registration No. 0106641275 issued by Hanoi Department of Planning and Investment on July 22, 2003	Số 33C, phố Cát Linh, phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam No. 33C Cat Linh Street, O Cho Dua Ward, Hanoi City, Vietnam	22/7/2003			Công ty con do VFC sở hữu 100% <b>Ông Bùi Minh Hưng</b> – Tổng Giám đốc, Người đại diện theo pháp luật của VFC đồng thời là Chủ tịch Công ty TNHH Tiếp vận Vinafco VFC 100% owned subsidiary Mr. Bui Minh

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân Name of organization/individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the Company (if any)	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp No. NSH; date of issue, place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ Address	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan Time of starting to be affiliated person	Thời điểm không còn là người có liên quan Time of ending to be affiliated person	Lý do Reasons	Mối quan hệ liên quan với công ty Relationship with the Company
									Hung – General Director, Legal Representative of VFC, concurrently Chairman of Vinafco Logistics Co., Ltd
23.	Ông/ Mr. Phạm Kiên Cường		Trưởng phòng Kinh doanh Head of Business Department			23/12/2024		Theo Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi lần thứ 15, ngày 27/12/2025 According to the 15th Amended Business Registration Certificate dated December 27, 2025	Giám đốc, Người đại diện theo pháp luật Công ty TNHH Tiếp Vận Vinafco Director, Legal Representative of Vinafco Logistics Co., Ltd.
24.	Công ty TNHH Vận tải và dịch vụ Vinafco Vinafco Transport and Services Company			ĐKDN số 0106641324 do Sở KHĐT Thành phố Hà Nội cấp ngày 16/01/2006 Business Registration No. 0106641324 issued by Hanoi Department of Planning and	Số 33C, phố Cát Linh, phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam No. 33C Cat Linh Street, O Cho Dua Ward, Hanoi City, Vietnam	16/1/2006			Công ty con do VFC sở hữu 100% Ông <b>Bùi Minh Hưng</b> – Tổng Giám đốc, Người đại diện theo pháp luật

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân Name of organization/individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the Company (if any)	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp No. NSH; date of issue, place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ Address	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan Time of starting to be affiliated person	Thời điểm không còn là người có liên quan Time of ending to be affiliated person	Lý do Reasons	Mối quan hệ liên quan với công ty Relationship with the Company.
	Limited			Investment on January 16, 2006					của VFC đồng thời là Chủ tịch Công ty TNHH Vận tải và dịch vụ Vinafco VFC 100% owned subsidiary Mr. Bui Minh Hung – General Director, Legal Representative of VFC, concurrently Chairman of Vinafco Transportation and Services Co., Ltd
25.	Ông/ Mr. Nguyễn Thế Vũ		Giám đốc khối vận hành Director of Operations			15/8/2018		Theo Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi lần thứ 18, ngày 15/08/2018 According to the 18th Amended Business Registration Certificate dated	Giám đốc, Người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Vận tải và dịch vụ Vinafco Director, Legal representative of

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân Name of organization/individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the Company (if any)	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp No. NSH; date of issue, place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ Address	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan Time of starting to be affiliated person	Thời điểm không còn là người có liên quan Time of ending to be affiliated person	Lý do Reasons	Mối quan hệ liên quan với công ty Relationship with the Company
								August 15, 2018	Vinafco Transport and Services Co., Ltd
26.	Công ty TNHH MTV Vinafco Đà Nẵng Vinafco Da Nang One Member Company Limited			ĐKDN số 0401389827 do Sở KHĐT thành phố Đà Nẵng cấp ngày 18/11/2010 Business Registration No. 0401389827 issued by the Department of Planning and Investment of Da Nang City on November 18, 2010	Đường số 5A, khu CN Hòa Cầm, phường Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam Road No. 5A, Hoa Cam Industrial Park, Cam Le Ward, Da Nang City, Vietnam	18/11/2010			Công ty con do VFC sở hữu 100% <b>Ông Bùi Minh Hưng</b> – Tổng Giám đốc, Người đại diện theo pháp luật của VFC đồng thời là Chủ tịch, Giám đốc Công ty TNHH MTV Vinafco Đà Nẵng VFC 100% owned subsidiary Mr. Bui Minh Hung – General Director, Legal Representative of VFC, concurrently Chairman, Director of

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân Name of organization /individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the Company (if any)	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp No. NSH; date of issue, place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ Address	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan Time of starting to be affiliated person	Thời điểm không còn là người có liên quan Time of ending to be affiliated person	Lý do Reasons	Mối quan hệ liên quan với công ty Relationship with the Company
									Vinafco Da Nang One Member Co., Ltd
27.	Công ty TNHH MTV Vinafco Bình Dương Vinafco Binh Duong One Member Company Limited			ĐKDN số 3701833950 do Sở KHĐT tỉnh Bình Dương cấp ngày 18/02/2011 Business Registration No. 3701833950 issued by the Department of Planning and Investment of Binh Duong province on February 18, 2011	Lô N, đường số 26, Khu CN Sóng Thần 2, phường Tân Đông Hiệp, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam Lot N, Road No. 26, Song Than 2 Industrial Park, Tan Dong Hiep Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam	18/2/2011			Công ty con do VFC sở hữu 100% <b>Ông Bùi Minh Hưng</b> – Tổng Giám đốc, Người đại diện theo pháp luật của VFC đồng thời là Chủ tịch, Giám đốc Công ty TNHH MTV Vinafco Bình Dương VFC 100% owned subsidiary Mr. Bui Minh Hung – General Director, Legal Representative of VFC, concurrently Chairman, Director of

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân Name of organization /individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the Company (if any)	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp No. NSH; date of issue, place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ Address	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan Time of starting to be affiliated person	Thời điểm không còn là người có liên quan Time of ending to be affiliated person	Lý do Reasons	Mối quan hệ liên quan với công ty Relationship with the Company
									Vinafco Binh Duong One Member Co., Ltd
28.	Công ty TNHH Tiếp vận Vinafco Đình Vũ Vinafco Dinh Vu Logistics Limited Company			ĐKDN số 0200887974 do Sở kế hoạch đầu tư thành phố Hải Phòng cấp ngày 28/2/2011 Business Registration No. 0200887974 issued by the Department of Planning and Investment of Haiphong City on February 28, 2011	Phòng 227, Tầng 2 tòa nhà Thành Đạt 1, số 3 đường Lê Thánh Tông, phường Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng, Việt Nam Room 227, 2 <sup>nd</sup> Floor, Thanh Dat 1 Building, No. 3 Le Thanh Tong Street, Ngo Quyen Ward, Haiphong City, Vietnam	28/2/2009			Công ty con do VFC sở hữu 100% VFC 100% owned subsidiary
29.	Ông/Mr. Vũ Công Tráng		Trưởng bộ phận dự án Head of Project Department			11/10/2017		Theo Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi lần thứ 3, ngày 11/10/2017 According to the 3 <sup>th</sup> Amended Business Registration Certificate dated October 11, 2017	Chủ tịch, Giám đốc, người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Tiếp vận Vinafco Đình Vũ Chairman, Director, Legal Representative of Vinafco Dinh Vu Logistics Co.,

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân Name of organization/individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the Company (if any)	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp No. NSH; date of issue, place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ Address	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan Time of starting to be affiliated person	Thời điểm không còn là người có liên quan Time of ending to be affiliated person	Lý do Reasons	Mối quan hệ liên quan với công ty Relationship with the Company
									Ltd.
30.	Công ty cổ phần Vận tải biển Vinafco Vinafco Shipping Joint Stock Company			ĐKDN số 0105275178 do Sở KHĐT Thành phố Hà Nội cấp ngày 16/01/2006 Business Registration No. 0105275178 issued by Hanoi Department of Planning and Investment on January 16, 2006	Thôn Tụ Khoát, xã Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam Tu Khoat Hamlet, Thanh Tri Commune, Hanoi City, Vietnam	16/1/2006			Công ty con do VFC sở hữu 81,48% <b>Ông Nguyễn Thái Hòa</b> – Chủ tịch HĐQT của VFC đồng thời là Chủ tịch HĐQT của Công ty cổ phần Vận tải biển Vinafco VFC 81,48% owned subsidiary Mr. Nguyen Thai Hoa – Chairman of the BOD of VFC, concurrently Chairman of the BOD of Vinafco Shipping JSC
31.	Ông/ Mr. Đinh Xuân Hưng					01/6/2018		Theo Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi lần thứ 10, ngày 31/05/2018 According to the	Tổng giám đốc, thành viên HĐQT, người đại diện theo pháp luật CTCP

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân Name of organization/individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the Company (if any)	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp No. NSH; date of issue, place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ Address	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan Time of starting to be affiliated person	Thời điểm không còn là người có liên quan Time of ending to be affiliated person	Lý do Reasons	Mối quan hệ liên quan với công ty Relationship with the Company
								10th Amended Business Registration Certificate dated May 31, 2018	Vận tải biển Vinafco General Director, Member of BOD, Legal Representative of Vinafco Shipping JSC
32.	Ông/Mr. Phạm Minh Tú					01/7/2023	26/5/2025	Miễn nhiệm Thành viên HĐQT CTCP Vận tải biển Vinafco Dismissal Member of the Board of Directors of Vinafco Shipping Joint Stock Company	Thành viên HĐQT CTCP Vận tải biển Vinafco Member of the Board of Directors of Vinafco Shipping Joint Stock Company
33.	Công ty TNHH Vận tải và dịch vụ Vinafco Miền Trung Vinafco Central Transport and			ĐKDN số 3100943814 do Sở KHĐT tỉnh Quảng Bình cấp ngày 15/8/2012 Business Registration No. 3100943814 issued by the Department of Planning and	Thôn Cương Trung C, Xã Tuyên Hóa, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam Cương Trung C Hamlet, Tuyen Hoa Commune, Quang Tri Province,	15/8/2012			Công ty con do VFC sở hữu 100% Ông Bùi Minh Hưng – Tổng Giám đốc, Người đại diện theo pháp luật

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân Name of organization/individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the Company (if any)	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp No. NSH; date of issue, place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ Address	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan Time of starting to be affiliated person	Thời điểm không còn là người có liên quan Time of ending to be affiliated person	Lý do Reasons	Mối quan hệ liên quan với công ty Relationship with the Company
	Services Co., Ltd			Investment of Quang Binh Province on August 15, 2012	Vietnam				của VFC đồng thời là Chủ tịch Hội đồng thành viên TNHH Vận tải và dịch vụ Vinafco Miền Trung VFC 100% owned subsidiary Mr. Bui Minh Hung – General Director, Legal Representative of VFC, concurrently Chairman of the Member's Council of Vinafco Central Transport and Services Co., Ltd
34.	Công ty cổ phần Cảng xanh Vinafco Vinafco Green Port Joint Stock			ĐKDN số 1102134170 do Sở Tài chính tỉnh Tây Ninh cấp ngày 03/12/2025 Business Registration No. 1102134170 issued	CCN Thiên Lộc Thành, Ấp 4, Xã Mỹ Lệ, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam Thien Loc Thanh Industrial Cluster,	3/12/2025			Công ty con do VFC sở hữu gián tiếp 51% thông qua CTCP Vận tải biển Ông Bùi Minh

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân Name of organization/individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the Company (if any)	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp No. NSH; date of issue, place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ Address	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan Time of starting to be affiliated person	Thời điểm không còn là người có liên quan Time of ending to be affiliated person	Lý do Reasons	Mối quan hệ liên quan với công ty Relationship with the Company
	Company			by Tay Ninh Provincial Department of Finance on December 03, 2025	Hamlet 4, My Le Commune, Tay Ninh Province, Vietnam				<b>Hung</b> – Tổng Giám đốc, Người đại diện theo pháp luật của VFC đồng thời là Chủ tịch HĐQT CTCP Cảng xanh Vinafco VFC 51% indirect ownership through Vinafco Shipping, JSC Mr. Bui Minh Hung – General Director, Legal Representative of VFC, concurrently Chairman of BOD of Vinafco Green Port JSC
35.	Ông/ Mr. Phạm Quang Đỉnh					03/12/2025		Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu ngày 03/12/2025 According to the	Tổng giám đốc, người đại diện theo pháp luật CTCP Cảng xanh Vinafco

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân Name of organization /individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the Company (if any)	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp No. NSH; date of issue, place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ Address	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan Time of starting to be affiliated person	Thời điểm không còn là người có liên quan Time of ending to be affiliated person	Lý do Reasons	Mối quan hệ liên quan với công ty Relationship with the Company
								initial Business Registration Certificate dated December 03, 2025	General Director, Legal Representative of Vinafco Green Port JSC
36.	Shibusawa Logistics Corporation			ĐKKD số 1631734 do Nhật Bản cấp Business Registration No. 1631734 issued by Japan	37-28, Eitai 2-Chome, Koto – Ku, Tokyo, Nhật Bản 37-28, Eitai 2-Chome, Koto-Ku, Tokyo, Japan	2014			Cổ đông sở hữu trên 10% số phiếu có quyền biểu quyết Shareholder holding more than 10% of the voting share
37.	Công ty TNHH Logistics Shibusawa Việt Nam Shibusawa Logistics Vietnam Co., Ltd			ĐKKD số 0309640774 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 16/11/2009 Business registration number 0309640774 issued by the Department of Planning and Investment of Ho Chi Minh City on November 16, 2009	Số 40 đường Bà Huyện Thanh Quan, phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam No. 40 Ba Huyen Thanh Quan Street, Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam	2014			Công ty con của Shibusawa Logistics Corporation Subsidiary of Shibusawa Logistics Corporation

2. Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ

*Transactions between the company and related parties of the company; or between the company and major shareholders, insiders, or related parties of insiders.*

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân Name of organization / individual	Mối quan hệ liên quan với công ty Relationship with the Company	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp NSH No. NSH, date of issue, place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address	Thời điểm giao dịch với công ty Time of transactions with the Company	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành) Resolution /Decision No. approved by General Meeting of Shareholders/ Board of Directors (if any, specifying date of issue)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch Content, quantity, total value of transaction
1.	Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinafco Vinafco Shipping Joint Stock Company	Công ty con Subsidiary Company	ĐKDN số 0105275178 do Sở KHĐT thành phố Hà Nội cấp ngày 16/01/2006 Business registration number 0105275178 issued by Hanoi Department of Planning and Investment on January 16, 2006	Thôn Tụ Khoát, xã Thanh Trì, thành phố Hà Nội Tu Khoat Village, Thanh Tri Commune, Hanoi City	01/01/2025 - 31/12/2025	Quyết định 120201/2024/QĐHĐQT ngày 23/12/2024 Decision No.120201/2024/QĐ HDQT dated December 23, 2024	Doanh thu cho thuê văn phòng, xe đưa đón/ Revenue from office rental, shuttle services and license:  Số lượng/ Quantity: 74  Giá trị/ Value: 8.448.591.327 VND
2.	Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinafco Vinafco Shipping Joint Stock	Công ty con Subsidiary Company	ĐKDN số 0105275178 do Sở KHĐT thành phố Hà Nội cấp ngày 16/01/2006 Business registration number 0105275178 issued by Hanoi	Thôn Tụ Khoát, xã Thanh Trì, thành phố Hà Nội Tu Khoat Village, Thanh Tri Commune, Hanoi	01/01/2025 - 31/12/2025	Quyết định 120201/2024/QĐHĐQT ngày 23/12/2024 Decision No.120201/2024/QĐ HDQT dated December	Phí dịch vụ vận tải/ Transportation service fees:  Số lượng/ Quantity: 327

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân Name of organization / individual	Mối quan hệ liên quan với công ty Relationship with the Company	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp NSH No. NSH, date of issue, place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address	Thời điểm giao dịch với công ty Time of transactions with the Company	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành) Resolution / Decision No. approved by General Meeting of Shareholders/ Board of Directors (if any, specifying date of issue)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch Content, quantity, total value of transaction	
	Company		Department of Planning and Investment on January 16, 2006	City		23, 2024	Giá trị/ Value:	37.266.994.410 VND
3.	Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinafco Vinafco Shipping Joint Stock Company	Công ty con Subsidiary Company	ĐKDN số 0105275178 do Sở KHĐT thành phố Hà Nội cấp ngày 16/01/2006 Business registration number 0105275178 issued by Hanoi Department of Planning and Investment on January 16, 2006	Thôn Tụ Khoát, xã Thanh Trì, thành phố Hà Nội Tu Khoat Village, Thanh Tri Commune, Hanoi City	01/01/2025 - 31/12/2025	Quyết định 120201/2024/QĐHĐQT ngày 23/12/2024 Decision No. 120201/2024/QĐ HDQT dated December 23, 2024	Thu nhập khác/ Other income:	
							Số lượng/ Quantity:	5
							Giá trị/ Value:	732.333.233 VND
4.	Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinafco Vinafco Shipping Joint Stock Company	Công ty con Subsidiary Company	ĐKDN số 0105275178 do Sở KHĐT thành phố Hà Nội cấp ngày 16/01/2006 Business registration number 0105275178 issued by Hanoi Department of Planning and Investment on January 16, 2006	Thôn Tụ Khoát, xã Thanh Trì, thành phố Hà Nội Tu Khoat Village, Thanh Tri Commune, Hanoi City	01/01/2025 - 31/12/2025	Quyết định 120201/2024/QĐHĐQT ngày 23/12/2024 Decision No. 120201/2024/QĐ HDQT dated December 23, 2024	Doanh thu từ lợi nhuận được chia/ Revenue from profit sharing:	
							Số lượng/ Quantity:	1
							Giá trị/ Value	10.999.751.250 VND
5.	Công ty TNHH Vận tải và dịch vụ Vinafco Vinafco	Công ty con Subsidiary Company	ĐKDN số 0106641324 do Sở KHĐT thành phố Hà Nội cấp ngày 16/01/2006 Business registration number 0106641324	Số 33C, phố Cát Linh, phường Ô Chợ Dừa, thành phố Hà Nội No. 33C. Cat Linh	01/01/2025 - 31/12/2025	Quyết định 120201/2024/QĐHĐQT ngày 23/12/2024 Decision No. 120201/2024/QĐ	Doanh thu dịch vụ kho bãi, văn phòng, cho thuê xe/ Revenue from warehouse, office and vehicle rental services:	

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân Name of organization / individual	Mối quan hệ liên quan với công ty Relationship with the Company	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp NSH No. NSH, date of issue, place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address	Thời điểm giao dịch với công ty Time of transactions with the Company	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành) Resolution /Decision No. approved by General Meeting of Shareholders/ Board of Directors (if any, specifying date of issue)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch Content, quantity, total value of transaction	
	Transport and Services Co., Ltd		issued by Hanoi Department of Planning and Investment on January 16, 2006	Street, O Cho Dua Ward, Ha noi City		HDQT dated December 23, 2024	Số lượng/ Quantity:	229
							Giá trị/ Value:	32.143.993.808 VND
6.	Công ty TNHH Vận tải và dịch vụ Vinafco Vinafco Transport and Services Co., Ltd	Công ty con Subsidiary Company	ĐKDN số 0106641324 do Sở KHĐT thành phố Hà Nội cấp ngày 16/01/2006 Business registration number 0106641324 issued by Hanoi Department of Planning and Investment on January 16, 2006	Số 33C, phố Cát Linh, phường Ô Chợ Dừa, thành phố Hà Nội No. 33C. Cat Linh Street, O Cho Dua Ward, Ha noi City	01/01/2025 - 31/12/2025	Quyết định 120201/2024/QĐHĐQT ngày 23/12/2024 Decision No.120201/2024/QĐ HDQT dated December 23, 2024	Phí dịch vụ vận tải và cho thuê xe/ Transportation service costs and vehicle rental services:	
							Số lượng/ Quantity:	2715
							Giá trị/ Value:	368.487.513.760 VND
7.	Công ty TNHH Vận tải và dịch vụ Vinafco Vinafco Transport and Services Co., Ltd	Công ty con Subsidiary Company	ĐKDN số 0106641324 do Sở KHĐT thành phố Hà Nội cấp ngày 16/01/2006 Business registration number 0106641324 issued by Hanoi Department of Planning and Investment on January 16, 2006	Số 33C, phố Cát Linh, phường Ô Chợ Dừa, thành phố Hà Nội No. 33C. Cat Linh Street, O Cho Dua Ward, Ha noi City	01/01/2025 - 31/12/2025	Quyết định 120201/2024/QĐHĐQT ngày 23/12/2024 Decision No.120201/2024/QĐ HDQT dated December 23, 2024	Thu nhập khác/ Other income:	
							Số lượng/ Quantity:	46
							Giá trị/ Value:	3.930.226.896 VND

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân Name of organization / individual	Mối quan hệ liên quan với công ty Relationship with the Company	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp NSH No. NSH, date of issue, place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address	Thời điểm giao dịch với công ty Time of transactions with the Company	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành) Resolution / Decision No. approved by General Meeting of Shareholders/ Board of Directors (if any, specifying date of issue)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch Content, quantity, total value of transaction	
8.	Công ty TNHH Vận tải và dịch vụ Vinafcó Vinafcó Transport and Services Co., Ltd	Công ty con Subsidiary Company	ĐKDN số 0106641324 do Sở KHĐT thành phố Hà Nội cấp ngày 16/01/2006 Business registration number 0106641324 issued by Hanoi Department of Planning and Investment on January 16, 2006	Số 33C, phố Cát Linh, phường Ô Chợ Dừa, thành phố Hà Nội No. 33C. Cat Linh Street, O Cho Dua Ward, Ha noi City	01/01/2025 - 31/12/2025	Quyết định 120201/2024/QĐHĐQT ngày 23/12/2024 Decision No.120201/2024/QĐ HĐQT dated December 23, 2024	Chi phí khác/ Other Expenses:	
							Số lượng/ Quantity:	41
							Giá trị/ Value:	3.080.378.310 VND
9.	Công ty TNHH Vận tải và dịch vụ Vinafcó Vinafcó Transport and Services Co., Ltd	Công ty con Subsidiary Company	ĐKDN số 0106641324 do Sở KHĐT thành phố Hà Nội cấp ngày 16/01/2006 Business registration number 0106641324 issued by Hanoi Department of Planning and Investment on January 16, 2006	Số 33C, phố Cát Linh, phường Ô Chợ Dừa, thành phố Hà Nội No. 33C. Cat Linh Street, O Cho Dua Ward, Ha noi City	01/01/2025 - 31/12/2025	Quyết định 120201/2024/QĐHĐQT ngày 23/12/2024 Decision No.120201/2024/QĐ HĐQT dated December 23, 2024	Doanh thu từ lợi nhuận được chia/ Revenue from profit sharing:	
							Số lượng/ Quantity:	1
							Giá trị/ Value:	7.470.000.000 VND
10.	Công ty TNHH Vận tải và dịch vụ Vinafcó Vinafcó Transport and Services Co., Ltd	Công ty con Subsidiary Company	ĐKDN số 0106641324 do Sở KHĐT thành phố Hà Nội cấp ngày 16/01/2006 Business registration number 0106641324 issued by Hanoi Department of Planning and Investment on January 16, 2006	Số 33C, phố Cát Linh, phường Ô Chợ Dừa, thành phố Hà Nội No. 33C. Cat Linh Street, O Cho Dua Ward, Ha noi City	01/01/2025 - 31/12/2025	Quyết định 120201/2024/QĐHĐQT ngày 23/12/2024 Decision No.120201/2024/QĐ HĐQT dated December 23, 2024	Lãi cho vay/ Interest:	
							Số lượng/ Quantity:	6
							Giá trị/ Value:	150.673.974 VND

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân Name of organization / individual	Mối quan hệ liên quan với công ty Relationship with the Company	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp NSH No. NSH, date of issue, place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address	Thời điểm giao dịch với công ty Time of transactions with the Company	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành) Resolution /Decision No. approved by General Meeting of Shareholders/ Board of Directors (if any, specifying date of issue)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch Content, quantity, total value of transaction	
			January 16, 2006					
11.	Công ty TNHH Vận tải và dịch vụ Vinafco Vinafco Transport and Services Co., Ltd	Công ty con Subsidiary Company	ĐKDN số 0106641324 do Sở KHĐT thành phố Hà Nội cấp ngày 16/01/2006 Business registration number 0106641324 issued by Hanoi Department of Planning and Investment on January 16, 2006	Số 33C, phố Cát Linh, phường Ô Chợ Dừa, thành phố Hà Nội No. 33C. Cat Linh Street, O Cho Dua Ward, Ha noi City	01/01/2025 - 31/12/2025	Quyết định 120201/2024/QĐHĐQT ngày 23/12/2024 Decision No.120201/2024/QĐ HDQT dated December 23, 2024	Cho vay/ Lend:	
							Số lượng/ Quantity:	1
							Giá trị/ Value:	6.100.000.000 VND
12.	Công ty TNHH Vận tải và dịch vụ Vinafco Miền Trung Vinafco Central Transport and Service Co., Ltd	Công ty con Subsidiary Company	ĐKDN số 3100943814 do Sở KHĐT tỉnh Quảng Bình cấp ngày 15/08/2012 Business registration number 3100943814 issued the Department of Planning and Investment of Quang Binh province on August 15, 2012	Thôn Cương Trung C, Xã Tuyên Hóa, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam Cương Trung C Hamlet, Tuyen Hoa Commune, Quang Tri Province, Vietnam	01/01/2025 - 31/12/2025	Quyết định 120201/2024/QĐHĐQT ngày 23/12/2024 Decision No.120201/2024/QĐ HDQT dated December 23, 2024	Doanh thu cho thuê phương tiện vận tải/ Revenue from vehicle rental services:	
							Số lượng/ Quantity:	24
							Giá trị/ Value:	9.321.997.957 VND
13.	Công ty TNHH Vận tải và dịch vụ Vinafco	Công ty con Subsidiary Company	ĐKDN số 3100943814 do Sở KHĐT tỉnh Quảng Bình cấp ngày 15/08/2012 Business registration	Thôn Cương Trung C, Xã Tuyên Hóa, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam	01/01/2025 - 31/12/2025	Quyết định 120201/2024/QĐHĐQT ngày 23/12/2024 Decision	Phí dịch vụ vận tải/ Transportation service fees:	

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân Name of organization / individual	Mối quan hệ liên quan với công ty Relationship with the Company	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp NSH No. NSH, date of issue, place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address	Thời điểm giao dịch với công ty Time of transactions with the Company	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành) Resolution / Decision No. approved by General Meeting of Shareholders/ Board of Directors (if any, specifying date of issue)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch Content, quantity, total value of transaction	
	Miền Trung Vinafco Central Transport and Service Co., Ltd		number 3100943814 issued the Department of Planning and Investment of Quang Binh province on August 15, 2012	Cuong Trung C Hamlet, Tuyen Hoa Commune, Quang Tri Province, Vietnam		No.120201/2024/QĐ HĐQT dated December 23, 2024	Số lượng/ Quantity:	135
							Giá trị/ Value:	62.872.446.460 VND
14.	Công ty TNHH Vận tải và dịch vụ Vinafco Miền Trung Vinafco Central Transport and Service Co., Ltd	Công ty con Subsidiary Company	ĐKDN số 3100943814 do Sở KHĐT tỉnh Quảng Bình cấp ngày 15/08/2012 Business registration number 3100943814 issued the Department of Planning and Investment of Quang Binh province on August 15, 2012	Thôn Cương Trung C, Xã Tuyên Hóa, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam Cuong Trung C Hamlet, Tuyen Hoa Commune, Quang Tri Province, Vietnam	01/01/2025 - 31/12/2025	Quyết định 120201/2024/QĐHĐQT ngày 23/12/2024 Decision No.120201/2024/QĐ HĐQT dated December 23, 2024	Thu nhập khác/ Other income:	
							Số lượng/ Quantity:	73
							Giá trị/ Value:	4.855.100.659 VND
15.	Công ty TNHH Vận tải và dịch vụ Vinafco Miền Trung Vinafco Central Transport and Service Co., Ltd	Công ty con Subsidiary Company	ĐKDN số 3100943814 do Sở KHĐT tỉnh Quảng Bình cấp ngày 15/08/2012 Business registration number 3100943814 issued the Department of Planning and Investment of Quang Binh province on August 15, 2012	Thôn Cương Trung C, Xã Tuyên Hóa, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam Cuong Trung C Hamlet, Tuyen Hoa Commune, Quang Tri Province, Vietnam	01/01/2025 - 31/12/2025	Quyết định 120201/2024/QĐHĐQT ngày 23/12/2024 Decision No.120201/2024/QĐ HĐQT dated December 23, 2024	Doanh thu từ lợi nhuận được chia/ Revenue from profit sharing:	
							Số lượng/ Quantity:	1
							Giá trị/ Value:	1.470.000.000 VND

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân Name of organization / individual	Mối quan hệ liên quan với công ty Relationship with the Company	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp NSH No. NSH, date of issue, place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address	Thời điểm giao dịch với công ty Time of transactions with the Company	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành) Resolution / Decision No. approved by General Meeting of Shareholders/ Board of Directors (if any, specifying date of issue)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch Content, quantity, total value of transaction
16.	Công ty TNHH Tiếp Vận Vinafco Logistics Company Limited	Công ty con Subsidiary Company	ĐKDN số 0106641275 do Sở KHĐT thành phố Hà Nội cấp ngày 22/07/2003 Business registration number 0106641324 issued by Hanoi Department of Planning and Investment on July 22, 2003	Số 33C, phố Cát Linh, phường Ô Chợ Dừa, thành phố Hà Nội No. 33C. Cat Linh Street, O Cho Dua Ward, Ha noi City	01/01/2025 - 31/12/2025	Quyết định 120201/2024/QĐHĐQT ngày 23/12/2024 Decision No.120201/2024/QĐ HDQT dated December 23, 2024	Doanh thu dịch vụ kho bãi, văn phòng, cho thuê xe/ Revenue from warehouse, office and vehicle rental services: Số lượng/ Quantity: 25 Giá trị/ Value: 1.219.151.432 VND
17.	Công ty TNHH Tiếp Vận Vinafco Logistics Company Limited	Công ty con Subsidiary Company	ĐKDN số 0106641275 do Sở KHĐT thành phố Hà Nội cấp ngày 22/07/2003 Business registration number 0106641324 issued by Hanoi Department of Planning and Investment on July 22, 2003	Số 33C, phố Cát Linh, phường Ô Chợ Dừa, thành phố Hà Nội No. 33C. Cat Linh Street, O Cho Dua Ward, Ha noi City	01/01/2025 - 31/12/2025	Quyết định 120201/2024/QĐHĐQT ngày 23/12/2024 Decision No.120201/2024/QĐ HDQT dated December 23, 2024	Chi phí dịch vụ kho bãi, dịch vụ vận tải/ Warehouse service fee, transportation service costs: Số lượng/ Quantity: 568 Giá trị/ Value: 14.424.529.669 VND
18.	Công ty TNHH Tiếp Vận Vinafco Logistics Company	Công ty con Subsidiary Company	ĐKDN số 0106641275 do Sở KHĐT thành phố Hà Nội cấp ngày 22/07/2003 Business registration number 0106641324 issued by Hanoi	Số 33C, phố Cát Linh, phường Ô Chợ Dừa, thành phố Hà Nội No. 33C. Cat Linh Street, O Cho Dua	01/01/2025 - 31/12/2025	Quyết định 120201/2024/QĐHĐQT ngày 23/12/2024 Decision No.120201/2024/QĐ HDQT dated December	Doanh thu từ lợi nhuận được chia/ Revenue from profit sharing: Số lượng/ Quantity: 1

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân Name of organization / individual	Mối quan hệ liên quan với công ty Relationship with the Company	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp NSH No. NSH, date of issue, place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address	Thời điểm giao dịch với công ty Time of transactions with the Company	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành) Resolution /Decision No. approved by General Meeting of Shareholders/ Board of Directors (if any, specifying date of issue)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch Content, quantity, total value of transaction	
	Limited		Department of Planning and Investment on July 22, 2003	Ward, Ha noi City		23, 2024	Giá trị/ Value:	1.000.000.000 VND
19.	Công ty TNHH MTV Vinafcó Đà Nẵng Vinafcó Da Nang One Member Company Limited	Công ty con Subsidiary Company	ĐKDN số 0401389827 do Sở KHĐT thành phố Đà Nẵng cấp ngày 18/11/2010 Business registration number 0401389827 issued by the Department of Planning and Investment of Da Nang City on November 18, 2010	Đường số 5A, khu CN Hòa Cầm, Phường Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng Road No. 5A. Hoa Cam Industrial Park, Cam Le Ward, Da Nang City	01/01/2025 - 31/12/2025	Quyết định 120201/2024/QĐHĐQT ngày 23/12/2024 Decision No.120201/2024/QĐ HDQT dated December 23, 2024	Phí dịch vụ kho bãi/ Warehouse service costs:	Số lượng/ Quantity: 72
							Giá trị/ Value:	3.010.165.290 VND
20.	Công ty TNHH MTV Vinafcó Đà Nẵng Vinafcó Da Nang One Member Company Limited	Công ty con Subsidiary Company	ĐKDN số 0401389827 do Sở KHĐT thành phố Đà Nẵng cấp ngày 18/11/2010 Business registration number 0401389827 issued by the Department of Planning and Investment of Da Nang City on November 18, 2010	Đường số 5A, khu CN Hòa Cầm, Phường Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng Road No. 5A. Hoa Cam Industrial Park, Cam Le Ward, Da Nang City	01/01/2025 - 31/12/2025	Quyết định 120201/2024/QĐHĐQT ngày 23/12/2024 Decision No.120201/2024/QĐ HDQT dated December 23, 2024	Doanh thu từ lợi nhuận được chia/ Revenue from profit sharing:	Số lượng/ Quantity: 1
							Giá trị/ Value:	2.000.000.000 VND

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân Name of organization / individual	Mối quan hệ liên quan với công ty Relationship with the Company	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp NSH No. NSH, date of issue, place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address	Thời điểm giao dịch với công ty Time of transactions with the Company	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành) Resolution /Decision No. approved by General Meeting of Shareholders/ Board of Directors (if any, specifying date of issue)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch Content, quantity, total value of transaction	
21.	Công ty TNHH MTV Vinafco Bình Dương Vinafco Binh Duong One Member Company Limited	Công ty con Subsidiary Company	ĐKDN số 3701833950 do Sở KHĐT tỉnh Bình Dương cấp ngày 18/02/2011 Business Registration No. 3701833950 issued by Binh Duong Department of Planning and Investment on February 18, 2011	Lô N, đường số 26, khu công nghiệp Sóng Thần 2, phường Tân Đông Hiệp, thành phố Hồ Chí Minh Lô N, đường số 26, khu công nghiệp Sóng Thần 2, phường Tân Đông Hiệp, thành phố Hồ Chí Minh	01/01/2025 - 31/12/2025	Quyết định 120201/2024/QĐHĐQT ngày 23/12/2024 Decision No.120201/2024/QĐ HDQT dated December 23.2024	Phí dịch vụ kho bãi/ Warehouse service costs:	
		Số lượng/ Quantity:	60					
		Giá trị/ Value:	9.081.100.009 VND					
22.	Công ty TNHH MTV Vinafco Bình Dương Vinafco Binh Duong One Member Company Limited	Công ty con Subsidiary Company	ĐKDN số 3701833950 do Sở KHĐT tỉnh Bình Dương cấp ngày 18/02/2011 Business Registration No. 3701833950 issued by Binh Duong Department of Planning and Investment on February 18, 2011	Lô N, đường số 26, khu công nghiệp Sóng Thần 2, phường Tân Đông Hiệp, thành phố Hồ Chí Minh Lô N, đường số 26, khu công nghiệp Sóng Thần 2, phường Tân Đông Hiệp, thành phố Hồ Chí Minh	01/01/2025 - 31/12/2025	Quyết định 120201/2024/QĐHĐQT ngày 23/12/2024 Decision No.120201/2024/QĐ HDQT dated December 23.2024	Doanh thu từ lợi nhuận được chia/ Revenue from profit sharing:	
		Số lượng/ Quantity:	1					
		Giá trị/ Value:	2.000.000.000 VND					

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân Name of organization / individual	Mối quan hệ liên quan với công ty Relationship with the Company	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp NSH No. NSH, date of issue, place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address	Thời điểm giao dịch với công ty Time of transactions with the Company	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCD/ HĐQT thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành) Resolution / Decision No. approved by General Meeting of Shareholders/ Board of Directors (if any, specifying date of issue)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch Content, quantity, total value of transaction
23.	Công ty TNHH vận tải ASG ASG Transport Company Limited	Doanh nghiệp do công ty mẹ chi phối Enterprise controlled by the parent company	ĐKDN số 4601547193 do Sở KHĐT tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 29/10/2019 Business registration number 4601547193 issued by the Department of Planning and Investment of Thai Nguyen province on October 29, 2019	Lô số 5 - Khu công nghiệp Yên Bình, phường Vạn Xuân, tỉnh Thái Nguyên Lot No. 5 - Yen Binh Industrial Park, Van Xuan Ward, Thai Nguyen Province	01/01/2025 - 31/12/2025	Quyết định 120201/2024/QĐHĐQT ngày 23/12/2024 Decision No.120201/2024/QĐ HDQT dated December 23, 2024	Doanh thu dịch vụ vận tải/ Revenue from transportation services:  Số lượng/ Quantity: 6  Giá trị/ Value: 107.967.600 VND
24.	Công ty TNHH Logistics Shibusawa Việt Nam Vinafco Logistics Company Limited	Công ty con của cổ đông lớn Subsidiary of Major shareholder	ĐKDN số 0309640774 do Sở KHĐT thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 16/11/2009 Business registration number 0309640774 issued by the Department of Planning and Investment of Ho Chi Minh City on November 16, 2009	Số 40, Đường Bà Huyện Thanh Quan, Phường Xuân Hòa, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam No. 40. Ba Huyen Thanh Quan Street, Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam	01/01/2025 - 31/12/2025	Quyết định 120201/2024/QĐHĐQT ngày 23/12/2024 Decision No.120201/2024/QĐ HDQT dated December 23, 2024	Doanh thu dịch vụ vận tải, dịch vụ kho bãi và thuê văn phòng/ Revenue from transportation services, warehousing and office rental services:  Số lượng/ Quantity: 21  Giá trị/ Value: 171.189.436 VND
25.	Shibusawa Logistics	Cổ đông lớn Major	ĐKKD số 1631734 do Nhật Bản cấp	37-28, Eitai 2-Chome, Koto - Ku,	01/01/2025 -	Quyết định 120201/2024/QĐHĐQT	Chia cổ tức/ Dividends:

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân Name of organization / individual	Mối quan hệ liên quan với công ty Relationship with the Company	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp NSH No. NSH, date of issue, place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address	Thời điểm giao dịch với công ty Time of transactions with the Company	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHCĐ/ HĐQT thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành) Resolution / Decision No. approved by General Meeting of Shareholders/ Board of Directors (if any, specifying date of issue)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch Content, quantity, total value of transaction	
	Corporation Shibusawa Logistics Corporation	shareholder	Business Registration No. 1631734 issued by Japan	Tokyo, Nhật Bản 37-28, Eitai 2-Chome, Koto-Ku, Tokyo, Japan	31/12/2025	ngày 23/12/2024 Decision No.120201/2024/QĐ HĐQT dated December 23, 2024	Số lượng/ Quantity:	1
							Giá trị/ Value:	12.133.374.400 VND
26.	Công ty Cổ phần Logistics ASG ASG Logistics Joint Stock Company	Công ty mẹ Parents company	ĐKDN số 4601126886 do Sở KHĐT tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 18/4/2013 Business registration number 4601126886 issued by the Department of Planning and Investment of Thai Nguyen province on April 18, 2013	Lô số 5 - Khu công nghiệp Yên Bình, phường Vạn Xuân, tỉnh Thái Nguyên Lot No. 5 - Yen Binh Industrial Park, Van Xuan Ward, Thai Nguyen Province	01/01/2025 - 31/12/2025	Quyết định 120201/2024/QĐHĐQT ngày 23/12/2024 Decision No.120201/2024/QĐ HĐQT dated December 23, 2024	Chia cổ tức/ Dividends:	
							Số lượng/ Quantity:	1
							Giá trị/ Value:	13.949.824.800 VND
27.	Công ty Cổ phần Dịch vụ Sân bay Quốc tế Cam Ranh Cam Ranh International Airport Services JSC	Thành viên HĐQT của Công ty là thành viên HĐQT của Bên liên quan Member of the BOD is also a Board Member of the	ĐKDN số 4200810665 do Sở KHĐT tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 14/01/2009 Business Registration No.4200810665 issued by Khanh Hoa Department of Planning and Investment on January 14, 2009	Sân bay Quốc tế Cam Ranh, phường Bắc Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam Cam Ranh International Airport, Bac Cam Ranh Ward, Khanh Hoa	01/01/2025 - 31/12/2025	Quyết định 120201/2024/QĐHĐQT ngày 23/12/2024 Decision No.120201/2024/QĐ HĐQT dated December 23, 2024	Chi phí hoạt động quản lý doanh nghiệp/ General administrative expenses:	
							Số lượng/ Quantity:	1
							Giá trị/ Value:	219.583.334 VND

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân Name of organization / individual	Mối quan hệ liên quan với công ty Relationship with the Company	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp NSH No. NSH, date of issue, place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address	Thời điểm giao dịch với công ty Time of transactions with the Company	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành) Resolution /Decision No. approved by General Meeting of Shareholders/ Board of Directors (if any, specifying date of issue)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch Content, quantity, total value of transaction	
		Related Party		Province, Vietnam				
28.	Công ty Cổ phần Logistics ASG ASG Logistics Joint Stock Company	Công ty mẹ Parents company	ĐKDN số 4601126886 do Sở KHĐT tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 18/4/2013 Business registration number 4601126886 issued by the Department of Planning and Investment of Thai Nguyen province on April 18.2013	Lô số 5 - Khu công nghiệp Yên Bình, phường Vạn Xuân, tỉnh Thái Nguyên Lot No. 5 - Yen Binh Industrial Park, Van Xuan Ward, Thai Nguyen Province	01/01/2025 - 31/12/2025	Quyết định 120201/2024/QĐHĐQT ngày 23/12/2024 Decision No.120201/2024/QĐ HDQT dated December 23.2024	Phí dịch vụ vận tải/ Transportation service fees:	
							Số lượng/ Quantity:	1
							Giá trị/ Value:	85.918.656 VND
29.	Công ty TNHH Vận tải ASG ASG Transport Company Limited	Doanh nghiệp do công ty mẹ chi phối Doanh nghiệp do công ty mẹ chi phối Enterprise controlled by parent company	ĐKDN số 4601547193 do Sở KHĐT tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 29/10/2019 Business Registration No. 4601547193 issued by the Department of Planning and Investment of Thai Nguyen province on October 29, 2019	Lô số 5 - Khu công nghiệp Yên Bình, phường Vạn Xuân, tỉnh Thái Nguyên Lot No. 5, Yen Binh Industrial Park, Van Xuan Ward, Thai Nguyen Province	01/01/2025 - 31/12/2025	Quyết định 120201/2024/QĐHĐQT ngày 23/12/2024 Decision No. 0403/2025/QĐHDQT dated April 17, 2025	Phí dịch vụ vận tải/ Transportation service fees:	
							Số lượng/ Quantity:	4
							Giá trị/ Value:	659.340.000 VND

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân Name of organization / individual	Mối quan hệ liên quan với công ty Relationship with the Company	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp NSH No. NSH, date of issue, place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address	Thời điểm giao dịch với công ty Time of transactions with the Company	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành) Resolution / Decision No. approved by General Meeting of Shareholders/ Board of Directors (if any, specifying date of issue)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch Content, quantity, total value of transaction	
30	Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG Corporation	Thành viên HĐQT của Công ty là thành viên HĐQT của Bên liên quan Member of the BOD is also a Board Member of the Related Party	ĐKDN số 0104960269 do Sở KH&ĐT Thành phố Hà Nội cấp ngày 22/10/2010 Business Registration No. 0104960269 issued on October 22, 2010, by Hanoi Department of Planning and Investment	Khu dịch vụ logistics, Cảng HK Nội Bài, xã Nội Bài, Hà Nội Logistics Service area, Noi Bai Commune, Hanoi City, Vietnam	01/01/2025 - 31/12/2025	Quyết định số 0901/2025/QĐHĐQT ngày 08/09/2025 Decision No. 0901/2025/QĐHĐQT dated September 08, 2025	Mua tài sản/ Asset acquisition:  Số lượng/ Quantity: 30  Giá trị/ Value: 17.029.440.000 VND	

3. Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát:

*Transaction between internal persons of the Company, affiliated persons of internal persons and the Company's subsidiaries in which the Company takes controlling power.*

STT No.	Người thực hiện giao dịch <i>Transaction executor</i>	Quan hệ với người nội bộ <i>Relationship with internal persons</i>	Chức vụ tại Công ty <i>Position at the Company</i>	Số CMND/ Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp <i>ID card No. /Passport No., date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ <i>Address</i>	Tên công ty con, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát <i>Name of subsidiaries or companies which the Company control</i>	Thời điểm giao dịch <i>Time of transactions</i>	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch <i>Content, quantity, total value of transaction</i>	
1.	Công ty Cổ phần dịch vụ sân bay Sài Gòn <i>Gon Airfield Services Joint Stock Company</i>	Doanh nghiệp do công ty mẹ chi phối <i>Enterprise controlled by the parent company</i>		ĐKDN số 0107372515 do Sở KHĐT thành phố Hà Nội cấp ngày 25/03/2016 <i>Business registration number 0107372515 issued by Hanoi Department of Planning and Investment on March 25, 2016</i>	Khu dịch vụ Logistics, Cảng HKQT Nội Bài, xã Nội Bài, thành phố Hà Nội <i>Logistics Service Area, Noi Bai International Airport, Noi Bai Commune, Hanoi City.</i>	Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinafco <i>Vinafco Shipping Joint Stock Company</i>	01/01/2025	Doanh thu dịch vụ vận tải/ <i>Transportation service costs:</i>	
							31/12/2025	Số lượng/ <i>Quantity:</i>	1
								Giá trị/ <i>Value:</i>	37.000.000 VND
2.	Công ty Cổ phần dịch vụ sân bay Sài Gòn <i>Gon Airfield Services</i>	Doanh nghiệp do công ty mẹ chi phối <i>Enterprise controlled</i>		ĐKDN số 0107372515 do Sở KHĐT thành phố Hà Nội cấp ngày 25/03/2016 <i>Business registration</i>	Khu dịch vụ Logistics, Cảng HKQT Nội Bài, xã Nội Bài, thành phố Hà Nội <i>Logistics Service</i>	Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinafco <i>Vinafco Shipping Joint Stock Company</i>	01/01/2025	Phí dịch vụ vận tải/ <i>Transportation service fees:</i>	
							31/12/2025	Số lượng/ <i>Quantity:</i>	1

STT No.	Người thực hiện giao dịch <i>Transaction executor</i>	Quan hệ với người nội bộ <i>Relationship with internal persons</i>	Chức vụ tại Công ty <i>Position at the Company</i>	Số CMND/ Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp <i>ID card No. /Passport No., date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ <i>Address</i>	Tên công ty con, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát <i>Name of subsidiaries or companies which the Company control</i>	Thời điểm giao dịch <i>Time of transactions</i>	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch <i>Content, quantity, total value of transaction</i>	
	Joint Stock Company	by the parent company		number 0107372515 issued by Hanoi Department of Planning and Investment on March 25, 2016	Area, Noi Bai International Airport, Noi Bai Commune, Hanoi City.			Giá trị/ <i>Value:</i>	48.584.494 VND
3.	Công ty Cổ phần dịch vụ sân bay Sài Gòn <i>Gon Airfield Services Joint Stock Company</i>	Doanh nghiệp do công ty mẹ chi phối <i>Enterprise controlled by the parent company</i>		ĐKDN số 0107372515 do Sở KH&ĐT thành phố Hà Nội cấp ngày 25/03/2016 <i>Business registration number 0107372515 issued by Hanoi Department of Planning and Investment on March 25, 2016</i>	Khu dịch vụ Logistics, Cảng HKQT Nội Bài, xã Nội Bài, thành phố Hà Nội <i>Logistics Service Area, Noi Bai International Airport, Noi Bai Commune, Hanoi City.</i>	Công ty TNHH Vận tải và dịch vụ Vinafco <i>Vinafco Transport and Services Co., Ltd</i>	01/01/2025 - 31/12/2025	Phí dịch vụ vận tải/ <i>Transportation service fees:</i>	
								Số lượng/ <i>Quantity:</i>	28
								Giá trị/ <i>Value:</i>	1.269.527.933 VND
4.	Công ty TNHH Dịch vụ hàng không ASG <i>ASG Aviation Services Co., Ltd.</i>	Doanh nghiệp do công ty mẹ chi phối <i>Enterprise controlled by the parent company</i>		ĐKDN số 0109240049 do Sở KH&ĐT thành phố Hà Nội cấp ngày 24/06/2020 <i>Business Registration No. 0109240049 issued Hanoi Department of Planning and Investment on June 24, 2020</i>	Khu dịch vụ Logistics, Cảng HKQT Nội Bài, xã Nội Bài, thành phố Hà Nội <i>Logistics Service Area, Noi Bai International Airport, Noi Bai Commune, Hanoi City.</i>	Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinafco <i>Vinafco Shipping Joint Stock Company</i>	01/01/2025 - 31/12/2025	Chi phí khác/ <i>Other Expenses:</i>	
								Số lượng/ <i>Quantity:</i>	3
								Giá trị/ <i>Value:</i>	50.489.989 VND

STT No.	Người thực hiện giao dịch <i>Transaction executor</i>	Quan hệ với người nội bộ <i>Relationship with internal persons</i>	Chức vụ tại Công ty <i>Position at the Company</i>	Số CMND/ Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp <i>ID card No. /Passport No., date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ <i>Address</i>	Tên công ty con, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát <i>Name of subsidiaries or companies which the Company control</i>	Thời điểm giao dịch <i>Time of transactions</i>	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch <i>Content, quantity, total value of transaction</i>	
5.	Công ty TNHH Dịch vụ hàng không ASG <i>ASG Aviation Services Co., Ltd.</i>	Doanh nghiệp do công ty mẹ chi phối <i>Enterprise controlled by the parent company</i>		ĐKDN số 0109240049 do Sở KH&ĐT thành phố Hà Nội cấp ngày 24/06/2020 <i>Business Registration No. 0109240049 issued Hanoi Department of Planning and Investment on June 24, 2020</i>	Khu Dịch vụ Logistics, Cảng HKQT Nội Bài, xã Nội Bài, Thành phố Hà Nội, Việt Nam <i>Logistics Service Area, Noi Bai International Airport, Noi Bai Commune, Hanoi City, Vietnam</i>	Công ty TNHH Tiếp Vận Vinafco <i>Vinafco Logistics Company Limited</i>	01/01/2025 - 31/12/2025	Chi phí khác / <i>Other Expenses:</i>	
								Số lượng/ <i>Quantity:</i>	3
								Giá trị/ <i>Value:</i>	42.074.991 VND
6.	Công ty TNHH Dịch vụ hàng không ASG <i>ASG Aviation Services Co., Ltd.</i>	Doanh nghiệp do công ty mẹ chi phối <i>Enterprise controlled by the parent company</i>		ĐKDN số 0109240049 do Sở KH&ĐT thành phố Hà Nội cấp ngày 24/06/2020 <i>Business Registration No. 0109240049 issued Hanoi Department of Planning and Investment on June 24, 2020</i>	Khu Dịch vụ Logistics, Cảng HKQT Nội Bài, xã Nội Bài, Thành phố Hà Nội, Việt Nam <i>Logistics Service Area, Noi Bai International Airport, Noi Bai Commune, Hanoi City, Vietnam</i>	Công ty TNHH Vận tải và dịch vụ Vinafco <i>Vinafco Transport and Services Co., Ltd</i>	01/01/2025 - 31/12/2025	Chi phí khác / <i>Other Expenses:</i>	
								Số lượng/ <i>Quantity:</i>	1.
								Giá trị/ <i>Value:</i>	3.365.999 VND
7.	Công ty TNHH Logistics Shibusawa Việt Nam	Công ty con của cổ đông lớn <i>Subsidiary of Major</i>		ĐKDN số 0309640774 do Sở KH&ĐT thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 16/11/2009	Số 40, Đường Bà Huyện Thanh Quan, Phường Xuân Hòa, TP Hồ Chí Minh	Công ty TNHH Vận tải và dịch vụ Vinafco <i>Vinafco Transport and</i>	01/01/2025 - 31/12/2025	Doanh thu dịch vụ vận tải/ <i>Transportation service costs:</i>	

STT No.	Người thực hiện giao dịch <i>Transaction executor</i>	Quan hệ với người nội bộ <i>Relationship with internal persons</i>	Chức vụ tại Công ty <i>Position at the Company</i>	Số CMND/ Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp <i>ID card No. /Passport No., date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ <i>Address</i>	Tên công ty con, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát <i>Name of subsidiaries or companies which the Company control</i>	Thời điểm giao dịch <i>Time of transactions</i>	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch <i>Content, quantity, total value of transaction</i>	
	<i>Shibusawa Logistics Vietnam Co., Ltd</i>	<i>shareholder</i>		<i>Business registration number 0309640774 issued by the Department of Planning and Investment of Ho Chi Minh City on November 16. 2009</i>	<i>No. 40. Ba Huyen Thanh Quan Street, Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City</i>	<i>Services Co., Ltd</i>		Số lượng/ <i>Quantity:</i>	<i>1</i>
								Giá trị/ <i>Value:</i>	<i>161.000.000 VND</i>
8.	<i>Công ty TNHH Logistics Shibusawa Việt Nam Shibusawa Logistics Vietnam Co., Ltd</i>	<i>Công ty con của cổ đông lớn Subsidiary of Major shareholder</i>		<i>ĐKDN số 0309640774 do Sở KHĐT thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 16/11/2009 Business registration number 0309640774 issued by the Department of Planning and Investment of Ho Chi Minh City on November 16. 2009</i>	<i>Số 40, Đường Bà Huyện Thanh Quan, Phường Xuân Hòa, TP Hồ Chí Minh No. 40. Ba Huyen Thanh Quan Street, Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City</i>	<i>Công ty TNHH Tiếp Vận Vinafco Vinafco Logistics Company Limited</i>	<i>01/01/2025 - 31/12/2025</i>	<i>Doanh thu dịch vụ vận tải/ Transportation service costs:</i>	
								Số lượng/ <i>Quantity:</i>	<i>26</i>
								Giá trị/ <i>Value:</i>	<i>184.619.365 VND</i>
9.	<i>Công ty Cổ phần Logistics Vietair</i>	<i>Doanh nghiệp do công ty mẹ chi phối</i>		<i>ĐKDN số 0314023199 do Sở KHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày</i>	<i>Tầng 01, Tòa Nhà Hải Âu, 39B Trường Sơn, phường Tân Sơn</i>	<i>Công ty TNHH Tiếp Vận Vinafco Vinafco</i>	<i>01/01/2025 - 31/12/2025</i>	<i>Phí dịch vụ vận tải/ Transportation service fees:</i>	

STT No.	Người thực hiện giao dịch Transaction executor	Quan hệ với người nội bộ Relationship with internal persons	Chức vụ tại Công ty Position at the Company	Số CMND/ Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No. /Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ Address	Tên công ty con, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát Name of subsidiaries or companies which the Company control	Thời điểm giao dịch Time of transactions	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch Content, quantity, total value of transaction	
	Logistics Joint Stock Company	Enterprise controlled by parent company		21/9/2016 Business Registration No. 0314023199 issued by Ho Chi Minh City Department of Planning and Investment on September 21, 2016	Nhất, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam Floor 01, Hai Au Building, 39B Truong Son Street, Tan Son Nhat Ward, Ho Chi Minh City.	Logistics Company Limited		Số lượng/ Quantity:	1.184.164.385 VND
								Giá trị/ Value:	5
10.	Công ty TNHH Vận tải ASG ASG Transport Company Limited	Doanh nghiệp do công ty mẹ chi phối Enterprise controlled by parent company		ĐKDN số 4601547193 do Sở KHĐT tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 29/10/2019 Business Registration No. 4601547193 issued by the Department of Planning and Investment of Thai Nguyen province on October 29, 2019	Lô số 5, KCN Yên Bình, phường Vạn Xuân, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam Lot No. 5, Yen Binh Industrial Park, Van Xuan Ward, Thai Nguyen Province, Vietnam	Công ty TNHH Tiếp Vận Vinafco Vinafco Logistics Company Limited	01/01/2025 - 31/12/2025	Phí dịch vụ vận tải/ Transportation service fees:	
								Số lượng/ Quantity:	1.792.800 VND
								Giá trị/ Value:	2

4. Giao dịch giữa công ty với các đối tượng khác:

*Transactions between the Company and other objects:*

- 4.1. Giao dịch giữa công ty với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người quản lý khác đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo): Đã được bao gồm trong mục 2 phía trên.

*Transactions between the Company and the company that its members of Board of Management, the Board of Supervisors, Director (General Director) have been founding members or members of Board of Directors, or CEOs in three (03) latest years (calculated at the time of reporting): Included in item 2 above.*

- 4.2. Giao dịch giữa công ty với công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người quản lý khác là thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành: Không có

*Transactions between the Company and the company that its affiliated persons with members of Board of Directors, Board of Supervisors, Director (General Director) and other managers as a member of Board of Directors, Director (General Director or CEO): None*

- 4.3. Các giao dịch khác của công ty (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người quản lý khác: Không có

*Other transactions of the Company (if any) may bring material or non - material benefits for members of Board of Directors, members of the Board of Supervisors, Director (General Director) and other managers: None*

**VIII. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ (Báo cáo năm 2025)**

*Share transactions of internal persons and their affiliated persons (Report in 2025)*

1. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ:

*The list of internal persons and their affiliated persons*

STT No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp NSH No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
1	Ông Nguyễn Thái Hòa Mr. Nguyen Thai Hoa		Chủ tịch HĐQT Chairman of the Board of Directors			10.462.369 cổ phần /shares	30,95%	Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần; đại diện: 10.462.369 cổ phần (đại diện phần vốn của CTCP Logistics ASG) Individual ownership: 0 shares; Representative: 10,462,369 shares (representing the capital contribution of ASG Logistics Joint Stock Company)
1.1	Ông Nguyễn Trọng Chi Mr. Nguyen Trong Chi					0	0	Bố đẻ Father
1.2	Bà Bùi Thị Minh Tân Mrs. Bui Thi Minh Tan					0	0	Mẹ đẻ Mother

STT No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp NSH No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
1.3	Bà Chu Lan Phuong Mrs. Chu Lan Phuong					0	0	Vợ Wife
1.4	Nguyễn Thái Đan Nguyen Thai Dan					0	0	Con đẻ Offspring
1.5	Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế International Investment Trade and Service JSC			ĐKDN số 0100110052 do Sở KHĐT Thành phố Hà Nội cấp ngày 20/02/2006 Business Registration Certificate No. 0100110052 issued on February 20, 2006, by the Hanoi Department of Planning and Investment	Số 17 đường Phạm Hùng, phường Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam No. 17 Pham Hung Street, Cau Giay Ward, Hanoi City, Vietnam	0	0	Ông Nguyễn Thái Hòa là Thành viên HĐQT Mr. Nguyen Thai Hoa is Member of the Board of Directors
1.6	Công ty Cổ phần Logistics ASG ASG Logistics Joint Stock Company			ĐKDN số 4601126886 do Sở KHĐT tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 18/4/2013 Business Registration Certificate No. 4601126886 issued on April 18, 2013, by the Thai Nguyen Department of Planning and Investment	Lô số 5 - Khu công nghiệp Yên Bình, phường Vạn Xuân, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam Lot No. 5, Yen Binh Industrial Park, Van Xuan Ward, Thai Nguyen Province, Vietnam	17.437.281	51,59%	Ông Nguyễn Thái Hòa là Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc Mr. Nguyen Thai Hoa is Member of the Board of Directors, General Director

STT No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp NSH No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
1.7	Công ty Cổ phần Logistics Quốc tế Tây Ninh Tay Ninh International Logistics Joint Stock Company			ĐKDN số 3901309342 do Sở KH&ĐT tỉnh Tây Ninh cấp ngày 04/01/2021 Business Registration Certificate No. 3901309342 issued on January 4, 2021, by the Tay Ninh Department of Planning and Investment	Ấp Bùng Bình, xã Hưng Thuận, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam Bung Binh Hamlet, Hung Thuan Commune, Tay Ninh Province, Vietnam	0	0	Ông Nguyễn Thái Hòa là Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc Mr. Nguyen Thai Hoa is Member of the Board of Directors, General Director
1.8	Công ty cổ phần Vận tải biển Vinafco Vinafco Shipping Joint Stock Company			ĐKDN số 0105275178 do Sở KH&ĐT Thành phố Hà Nội cấp ngày 16/01/2006 Business Registration No. 0105275178 issued on January 16, 2006, by Hanoi Department of Planning and Investment	Thôn Tụ Khoát, xã Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Vietnam Tu Khoat Hamlet, Thanh Tri Commune, Hanoi City, Vietnam	0	0	Ông Nguyễn Thái Hòa là Chủ tịch HĐQT Mr. Nguyen Thai Hoa is Chairman of the Board of Directors
2	<b>Ông</b> <b>NIIBAYASHI</b> <b>NAOKI</b> <b>Mr.</b> <b>NIIBAYASHI</b> <b>NAOKI</b>		<b>Phó Chủ tịch</b> <b>HĐQT</b> Vice Chairman of the Board of Directors			0	0	

STT No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp NSH No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
2.1	Bà Niibayashi Shoko Mrs. Niibayashi Shoko					0	0	Mẹ đẻ Mother
2.2	Bà Niibayashi Akiko Mrs. Niibayashi Akiko					0	0	Vợ Wife
2.3	Bà Fujii Misa Ms. Fujii Misa					0	0	Con gái Daughter
2.4	Ông Niibayashi Kento Mr. Niibayashi Kento					0	0	Con trai Son
2.5	Ông Niibayashi Hideyuki Mr. Niibayashi Hideyuki					0	0	Anh trai Brother
2.6	Bà Niibayashi Tomoko Mrs. Niibayashi					0	0	Em gái Sister

STT No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp NSH No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
	Tomoko							
2.7	Ông Fujii Ippei Mr. Fujii Ippei					0	0	Con rể Son-in-law
2.8	Ông Morikawa Kazuki Mr. Morikawa Kazuki					0	0	Anh rể Brother-in-law
2.9	Bà Morikawa Nobuko Mrs. Morikawa Nobuko					0	0	Chị dâu Sister-in-law
2.10	Công ty cổ phần Vận tải biển Vinafco Vinafco Shipping Joint Stock Company			ĐKDN số 0105275178 do Sở KHĐT thành phố Hà Nội cấp ngày 16/01/2006 Business Registration No. 0105275178 issued on January 16, 2006 by Hanoi Department of Planning and Investment	Thôn Tụ Khoát, xã Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam Tu Khoat Village, Thanh Tri Commune, Hanoi City, Vietnam	0	0	Ông Niibayashi Naoki là Thành viên HĐQT Mr. Niibayashi Naoki is Member of the Board of Directors
3	Ông Đặng Lưu Dũng Mr. Dang Luu Dung		Thành viên HĐQT Member of the Board of Directors			0	0	

STT No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp NSH No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
3.1	Ông Đặng Đức Lãng Mr. Dang Duc Lang					0	0	Bố đẻ Father
3.2	Bà Lưu Thị Hiệp Mrs Luu Thi Hiep					0	0	Mẹ đẻ Mother
3.3	Bà Hoàng Thị Phuong Nga Mrs. Hoang Thi Phuong Nga					0	0	Vợ Wife
3.4	Ông Đặng Hoàng Phúc Mr. Dang Hoang Phuc					0	0	Con trai Son
3.5	Ông Đặng Hoàng Đức Mr. Dang Hoang Duc					0	0	Con trai Son
3.6	Ông Hoàng Thọ Quỳnh Mr. Hoang Tho Quynh					0	0	Bố vợ Father-in-law
3.7	Bà Vũ Thị Thái					0	0	Mẹ vợ Mother-in-law

STT No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp NSH No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
	Mrs. Vu Thi Thai							
3.8	Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG ASG Corporation			ĐKDN số 0104960269 do Sở KH&ĐT Thành phố Hà Nội cấp ngày 22/10/2010 Business Registration No. 0104960269 issued on October 22, 2010, by Hanoi Department of Planning and Investment	Khu dịch vụ logistics, Cảng HK Nội Bài, xã Nội Bài, Thành phố Hà Nội Logistics Service area, Noi Bai Ward, Soc Son District, Hanoi City, Vietnam	0	0	Ông Đặng Lưu Dũng là thành viên HĐQT Mr. Dang Luu Dung is Member of the Board of Directors
3.9	Công ty cổ phần Vận tải biển Vinafco Vinafco Shipping Joint Stock Company			ĐKDN số 0105275178 do Sở KH&ĐT Thành phố Hà Nội cấp ngày 16/01/2006 Business Registration No. 0105275178 issued on January 16, 2006, by Hanoi Department of Planning and Investment	Thôn Tụ Khoát, xã Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam Tu Khoat Village, Thanh Tri Commune, Hanoi City, Vietnam	0	0	Ông Đặng Lưu Dũng là thành viên HĐQT Mr. Dang Luu Dung is Member of Board of Directors
3.10	Công ty Cổ phần In Holdings In Holdings Corporation			ĐKDN số 0316001264 do Sở KH&ĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 06/11/2019 Business Registration No. 0316001264 issued on November 06, 2019, by Ho Chi Minh Department of Planning and Investment	194 Hoàng Văn Thụ, Phường Đức Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam 194 Hoang Van Thu, Duc Nhuan Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam	0	0	Ông Đặng Lưu Dũng là thành viên Ban Kiểm soát Mr. Dang Luu Dung is Member of Board of Supervisors
4	Ông Takahashi Shinichi Mr. Takahashi		Thành viên Hội đồng quản trị Member of			0	0	

STT No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp NSH No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
	Shinichi		Board of Directors					
4.1	Bà Takahashi Hatsuko Mrs. Takahashi Hatsuko					0	0	Mẹ đẻ Mother
4.2	Bà Takahashi Yoko Mrs. Takahashi Yoko					0	0	Vợ Wife
4.3	Takahashi Wataru					0	0	Con đẻ Offspring
4.4	Takahashi Mariko					0	0	Con đẻ Offspring
5	Ông Lý Lâm Duy Mr. Ly Duy Lam		Thành viên HĐQT Member of Board of Directors			6.974.912 cổ phần /shares	20,64%	Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần; đại diện: 6.974.912 cổ phần (đại diện phần vốn của CTCP Logistics ASG) Individual ownership: 0 shares; Representative: 6,974,912 shares

STT No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp NSH No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
								(representing the capital contribution of ASG Logistics Joint Stock Company)
5.1	Ông Lý Thái Long Mr. Ly Thai Long					0	0	Bố đẻ Father
5.2	Bà Trần Minh Nga Mrs. Tran Minh Nga					0	0	Mẹ đẻ Mother
5.3	Bà Lý Diễm My Mrs. Ly Diem My					0	0	Em gái Sister
5.4	CTCP Dịch vụ Sân bay Quốc tế Cam Ranh Cam Ranh International Airport Services JSC			ĐKDN số 4200810665 do Sở KHĐT tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 14/01/2009 Business Registration No. 4200810665 issued on January 14, 2009, by Khanh Hoa Department of Planning and Investment	Sân bay Quốc tế Cam Ranh, phường Bắc Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam Cam Ranh International Airport, Bac Cam Ranh Ward, Khanh Hoa Province, Vietnam	0	0	Ông Lý Lâm Duy là Thành viên HĐQT, Giám đốc Công ty Mr. Ly Lam Duy is Member of the Board of Directors, Director

STT No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp NSH No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
5.5	CTCP Tư vấn và Đào tạo Cây Sồi Việt Viet Oak Tree Training and Consulting Corporation			ĐKDN số 4201816557 do Sở KHĐT tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 19/10/2018 Business Registration No. 4201816557 issued on October 19, 2018, by Khanh Hoa Department of Planning and Investment	L22-2 KĐT An Bình Tân, phường Nam Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam L22-2 An Binh Tan Urban Area, Nam Nha Trang Ward, Khanh Hoa Province, Vietnam	0	0	Ông Lý Lâm Duy là Tổng giám đốc Công ty Mr. Ly Lam Duy is General Director
5.6	Công ty Cổ phần Logistics ASG ASG Logistics Joint Stock Company			ĐKDN số 4601126886 do Sở KHĐT tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 18/4/2013 Business Registration Certificate No. 4601126886 issued by the Thai Nguyen Department of Planning and Investment on April 18, 2013.	Lô số 5, KCN Yên Bình, phường Vạn Xuân, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam Lot No. 5, Yen Binh Industrial Park, Van Xuan Ward, Thai Nguyen Province, Vietnam	17.437.281	51,59%	Ông Lý Lâm Duy là người đại diện theo ủy quyền quản lý phân vốn của Công ty Cổ phần Logistics ASG tại CTCP Vinafco Mr. Ly Lam Duy is the authorized representative managing the capital contribution of ASG Logistics JSC in Vinafco JSC

STT No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp NSH No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
6	Bà Nguyễn Thị Huyền Oanh Mrs. Nguyen Thi Huyen Oanh		Trưởng BKS Head of the Supervisory Board			0	0	
6.1	Ông Nguyễn Đức Hùng Mr. Nguyen Duc Hung					0	0	Bố đẻ Father
6.2	Bà Nguyễn Thị Chanh Mrs. Nguyen Thi Chanh					0	0	Mẹ đẻ Mother
6.3	Ông Nguyễn Quốc Hưng Mr. Nguyen Quoc Hung					0	0	Anh ruột Brother
6.4	Ông Ngô Tuấn Hợp Mr. Ngo Tuan Hop					0	0	Chồng Husband
6.5	Ông Ngô Tuấn Bách Mr. Ngo Tuan Bach					0	0	Con trai Son

STT No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp NSH No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
6.6	Ông Ngô Lâm Tùng Mr. Ngo Lam Tung					0	0	Con trai Son
6.7	Bà Trần Thị Hòa Mrs. Tran Thi Hoa							Mẹ chồng Mother-in-law
6.8	Bà Chu Thu Phương Mrs. Chu Thu Phuong							Chị dâu Sister-in-law
6.9	Bà Nguyễn Thu Hương Mrs. Nguyen Thu Huong					0	0	Em dâu Sister-in-law
6.10	Công ty cổ phần Đầu tư và Tư vấn Long Thành Long Thanh Investment and Consultant Joint Stock Company			ĐKDN số 0107965843 do Sở KHĐT TP. Hà Nội cấp ngày 16/8/2017 Business Registration No. 0107965843 issued by Hanoi Department of Planning and Investment on August 16, 2017	Tầng 7, tòa nhà Plaschem, số 562 Nguyễn Văn Cừ, Phường Bồ Đề, Hà Nội 7 <sup>th</sup> Floor, Plaschem Building, 562 Nguyen Van Cu, Bo De Ward, Hanoi	0	0	Bà Nguyễn Thị Huyền Oanh là Giám đốc Công ty Ms. Nguyen Thi Huyen Oanh is Director
7	Bà Trần Thị Nhường		Thành viên BKS			0	0	

STT No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp NSH No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
	Mrs. Tran Thi Nhuong		Member of the Supervisory Board					
7.1	Ông Nguyễn Anh Tuấn Mr. Nguyen Anh Tuan					0	0	Chồng Husband
7.2	Ông Nguyễn Viết Phúc Lâm Mr. Nguyen Viet Phuc Lam					0	0	Con trai Son
7.3	Bà Nguyễn Thanh Trà Ms. Nguyen Thanh Tra					0	0	Con gái Daughter
7.4	Bà Nguyễn Trà Giang Ms. Nguyen Tra Giang					0	0	Con gái Daughter
7.5	Ông Trần Văn Dũng Mr. Tran Van Dung					0	0	Bố đẻ Father
7.6	Bà Nguyễn Thị Nhũ Mrs. Nguyen Thi Nhu					0	0	Mẹ đẻ Mother

STT No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp NSH No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
7.7	Bà Trần Thị Mai Mrs. Tran Thi Mai					0	0	Em gái Sister
7.8	Ông Ninh Văn Súc Mr. Ninh Van Suc					0	0	Em rể Brother-in-law
7.9	Bà Nguyễn Thị Nga Mrs. Nguyen Thi Nga					0	0	Mẹ chồng Mother-in-law
7.10	CTCP Dịch vụ Sân bay Sài Gòn Sai Gon Airfield Services JSC			ĐKDN số 0107372515 do Sở KHĐT Thành phố Hà Nội cấp ngày 25/03/2016 Business Registration No. 0107372515 issued on March 25, 2016, by Hanoi Department of Planning and Investment	Khu dịch vụ logistics, Cảng HKQT Nội Bài, xã Nội Bài, Thành phố Hà Nội, Việt Nam Logistics Service area, Noi Bai International Airport, Noi Bai Commune, Hanoi City, Vietnam	0	0	Bà Trần Thị Nhung là Thành viên BKS Mrs. Tran Thi Nhung is Member of the Supervisory Board
7.11	Công ty cổ phần giao nhận A Plus A Plus Freight Joint Stock Company			ĐKDN số 0104960269 do Sở KHĐT thành phố Hà Nội cấp 22/10/2010 Business Registration No. 01044960269 issued by Hanoi Department of Planning and Investment on October 22, 2010	Khu dịch vụ logistics, Cảng HKQT Nội Bài, xã Nội Bài, Thành phố Hà Nội, Việt Nam Logistics Service area, Noi Bai International Airport, Noi Bai Commune, Hanoi City,	0	0	Bà Trần Thị Nhung là Thành viên BKS Mrs. Tran Thi Nhung is Member of the Supervisory

STT No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp NSH No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
					Vietnam			Board
7.11	CTCP tập đoàn ASG ASG Corporation			ĐKDN số 01044960269 do Sở KHĐT Thành phố Hà Nội cấp 22/10/2010  Business Registration No. 01044960269 issued on October 22, 2010, by Hanoi Department of Planning and Investment	Khu dịch vụ logistics, Cảng HKQT Nội Bài, xã Nội Bài, Thành phố Hà Nội, Việt Nam  Logistics Service area, Noi Bai International Airport, Noi Bai Commune, Hanoi City, Vietnam	0	0	Bà Trần Thị Nhuong là Thành viên BKS Mrs. Tran Thi Nhuong is Member of the Supervisory Board
8	Bà Trần Thị Thu Hương Mrs. Tran Thi Thu Huong		Thành viên BKS Member of the Supervisory Board			0	0	
8.1	Ông Trần Anh Thương Mr. Tran Anh Thuong					0	0	Bố đẻ Father
8.2	Bà Tạ Thị Len Mrs. Ta Thi Len					0	0	Mẹ đẻ Mother
8.3	Ông Trần Tuân Đạt Mr. Tran Tuan Dat					0	0	Em trai Brother
8.4	Công ty cổ phần Vận tải			ĐKDN số:0105275178 do Sở KHĐT thành phố Hà Nội cấp	Thôn Tự Khoát, xã Thanh Trì, Thành phố	0	0	Bà Trần Thị Thu Hương là

STT No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp NSH No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
	biên Vinafco Vinafco Shipping Joint Stock Company			ngày 16/01/2006 Business Registration No. 0105275178 issued on January 16, 2006, by Hanoi Department of Planning and Investment	Hà Nội, Việt Nam Tu Khoat Hamlet, Thanh Tri Commune, Hanoi City, Vietnam			Trưởng BKS Mrs. Tran Thi Thu Huong is Head of BOS
9	<b>Ông Bùi Minh Hưng</b> Mr. Bui Minh Hung		<b>Tổng Giám đốc</b> General Director			0	0	
9.1	Bà Phạm Thị Phương Mrs. Pham Thi Phuong					0	0	Vợ Wife
9.2	Ông Bùi Bảo Hoàng Mr. Bui Bao Hoang					0	0	Con trai Son
9.3	Ông Bùi Minh Chính Mr. Bui Minh Chinh					0	0	Bố đẻ Father
9.4	Ông Phạm Trọng Tín Mr. Pham Trong Tin					0	0	Bố vợ Father-in-law
9.5	Bà Nguyễn Thị Sáo Mrs. Nguyen					0	0	Mẹ vợ Mother-in-law

STT No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp NSH No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
	Thi Sao							
9.6	Bà Phạm Thị Thu Mrs. Pham Thi Thu					0	0	Em vợ Sister-in-law
9.7	Bà Phạm Thị Nga Mrs. Pham Thi Nga					0	0	Chị vợ Sister-in-law
9.8	Ông Bùi Minh Hải Mr. Bui Minh Hai					0	0	Em trai Brother
9.9	Nguyễn Thị Ngọc Mrs. Nguyen Thi Ngoc					0	0	Em dâu Sister-in-law
9.10	Công ty TNHH MTV Vinafcó Bình Dương Vinafcó Binh Duong One Member Company Limited			ĐKDN số 3701833950 do Sở KHĐT tỉnh Bình Dương cấp ngày 18/02/2011 Business Registration Certificate No. 3701833950 issued on February 18, 2011 by the Binh Duong Department of Planning and Investment	Lô N, đường số 26, Khu CN Sóng Thần 2, phường Tân Đông Hiệp, Thành phố Hồ Chí Minh, Lot N, Road No. 26, Song Than 2 Industrial Park, Tan Dong Hiep Ward, Ho Chi Minh City,	0	0	Ông Bùi Minh Hưng là Chủ tịch, Giám đốc công ty Mr. Bui Minh Hung is Chairman, Director

STT No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp NSH No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
9.11	Công ty TNHH Một thành viên Vinafco Đà Nẵng Vinafco Da Nang One Member Company Limited			ĐKDN số 0401389827 do Sở KHĐT thành phố Đà Nẵng cấp ngày 18/11/2010 Business Registration No. 0401389827 issued on November 18, 2010, by the Department of Planning and Investment of Da Nang City	Đường số 5A, khu CN Hòa Cẩm, phường Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam Road No. 5A, Hoa Cam Industrial Park, Cam Le Ward, Da Nang City, Vietnam	0	0	Ông Bùi Minh Hưng- Chủ tịch, Giám đốc Công ty Mr. Bui Minh Hung is Chairman, Director
9.12	Công ty TNHH Vận tải và dịch vụ Vinafco Vinafco Transport and Services Co., Ltd			ĐKDN số 0106641324 do Sở KHĐT Thành phố Hà Nội cấp ngày 16/01/2006 Business Registration No. 0106641324 issued on January 16, 2006, by Hanoi Department of Planning and Investment	Số 33C, phố Cát Linh, phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam No. 33C Cat Linh Street, O Cho Dua Ward, Hanoi City, Vietnam	0	0	Ông Bùi Minh Hưng là Chủ tịch Công ty Mr. Bui Minh Hung is Chairman
9.13	Công ty TNHH Tiếp vận Vinafco Vinafco Logistics Company Limited			ĐKDN số 0106641275 do Sở KHĐT Thành phố Hà Nội cấp ngày 22/7/2003 Business Registration No. 0106641275 issued on July 22, 2003, by Hanoi Department of Planning and Investment	Số 33C, phố Cát Linh, phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam No. 33C Cat Linh Street, O Cho Dua Ward, Hanoi City, Vietnam	0	0	Ông Bùi Minh Hưng là Chủ tịch Công ty Mr. Bui Minh Hung is Chairman
9.14	Công ty TNHH Vận tải và dịch vụ Vinafco Miền			ĐKDN số 3100943814 do Sở KHĐT tỉnh Quảng Bình cấp ngày 15/08/2012 Business Registration Certificate	Thôn Cương Trung C, Xã Tuyên Hóa, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam Cương Trung C Hamlet,	0	0	Ông Bùi Minh Hưng là Chủ tịch Hội đồng thành viên

STT No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp NSH No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
	Trung Vinafco Central Transport and Service Co., Ltd.			No. 3100943814 issued on August 15, 2012, by the Quang Binh Department of Planning and Investment	Tuyen Hoa Commune, Quang Tri Province, Vietnam			Bui Minh Hung is Chairman of the Member's Council
9.15	Công ty cổ phần Cảng xanh Vinafco Vinafco Green Port Joint Stock Company			ĐKDN số 1102134170 do Sở Tài chính tỉnh Tây Ninh cấp ngày 03/12/2025 Business Registration No. 1102134170 issued on December 03, 2025, by Tay Ninh Provincial Department of Finance	CCN Thiên Lộc Thành, Ấp 4, Xã Mỹ Lệ, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam Thien Loc Thanh Industrial Cluster, Hamlet 4, My Le Commune, Tay Ninh Province, Vietnam	0	0	Ông Bùi Minh Hưng là Chủ tịch HĐQT Mr. Bui Minh Hung - Chairman of the BOD
10	Ông Nguyễn Huy Dương Mr. Nguyen Huy Duong		Phó Tổng Giám đốc Deputy General Director			0	0	
10.1	Ông Nguyễn Văn Hường Mr. Nguyen Van Huong					0	0	Bố đẻ Father
10.2	Bà Phạm Thị Hoà Mrs. Pham Thi Hoa					0	0	Mẹ đẻ Mother
10.3	Bà Nguyễn Lê Thị					0	0	Vợ Wife

STT No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp NSH No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
	Mrs. Nguyen Le Thi							
10.4	Nguyễn Dương Đình Đình Nguyen Duong Dinh Dinh					0	0	Con đẻ Offspring
10.5	Bà Nguyễn Hương Lan Mrs. Nguyen Huong Lan					0	0	Em gái Sister
10.6	Ông Tống Ngọc Minh Mr. Tong Ngoc Minh					0	0	Em rể Brother-in-law
11	<b>Ông Nguyễn Minh Đạt</b> Mr. Nguyen Minh Dat		<b>Giám đốc Tài chính Công ty</b> Chief Financial Officer of the Corporation			0	0	
11.1	Ông Nguyễn Doãn Bôn Mr. Nguyen Doan Bon					0	0	Bố đẻ Father
11.2	Bà Nguyễn Thị Mỹ Dung Mrs. Nguyen Thi My Dung					0	0	Mẹ đẻ Mother

STT No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp NSH No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
11.3	Bà Nguyễn Kim Hoa Mrs. Nguyen Kim Hoa					0	0	Vợ Wife
11.4	Nguyễn Minh An					0	0	Con đẻ Offspring
11.5	Bà Nguyễn Minh Thu Mrs. Nguyen Minh Thu					0	0	Em gái Sister
11.6	Bà Nguyễn Thị Kim Nhưng Mrs. Nguyen Thi Kim Nhưng					0	0	Mẹ vợ Mother-in-law
11.7	Ông Nguyễn Đỗ Kiên Mr. Nguyen Do Kien					0	0	Bố vợ Father-in-law
12	<b>Bà Lê Thị Minh Phương</b> Mrs Le Thi Minh Phuong		<b>Kế toán trưởng</b> Chief Accountant			0	0	
12.1	Ông Bạch Long Mr. Bach Long					0	0	Chồng Husband

STT No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp NSH No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
12.2	Bạch Minh Đức Mr. Bach Minh Duc					0	0	Con trai Son
12.3	Bạch Phương Linh Mrs. Bach Phuong Linh					0	0	Con gái Daughter
12.4	Bà Lê Phương Hồng Mrs. Le Phuong Hong					0	0	Chị ruột Sister
12.5	Bà Lê Thị Châu Viên Mrs. Le Thi Chau Vien					0	0	Chị ruột Sister
12.6	Bà Lê Thị Nội Hà Mrs. Le Thi Noi Ha					0	0	Chị ruột Sister
12.7	Ông Lê Văn Long Mr. Le Van Long					0	0	Anh ruột Brother
12.8	Bà Lê Phương Giang Mrs. Le Phuong Giang					0	0	Chị ruột Sister

STT No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp NSH No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
12.9	Ông Nguyễn Lương Tường Mr. Nguyen Luong Tuong					0	0	Anh rể Brother-in-law
12.10	Ông Trần Tất Thủy Mr. Tran Tat Thuy					0	0	Anh rể Brother-in-law
12.11	Ông Nguyễn Đức Sinh Mr. Nguyen Duc Sinh					0	0	Anh rể Brother-in-law
12.12	Công ty cổ phần Vận tải biển Vinafco Vinafco Shipping Joint Stock Company			ĐKDN số 0105275178 do Sở KHĐT thành phố Hà Nội cấp ngày 16/01/2006 Business Registration No. 0105275178 issued on January 16, 2006, by Hanoi Department of Planning and Investment	Thôn Tụ Khoát, xã Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam Tu Khoat Hamlet, Thanh Tri Commune, Hanoi City, Vietnam	0	0	Bà Lê Thị Minh Phương là Thành viên BKS Mrs. Le Thi Minh Phuong is Member of BOS

STT No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp NSH No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
13	Bà Trần Thị Hồng Ms. Tran Thi Hong		Người phụ trách quản trị Công ty/Người được ủy quyền công bố thông tin Corporate Governance Officer/Authori zed Disclosure Representative			0	0	Đã miễn nhiệm Dismissed
13.1	Bà Đặng Thị Cây Mrs. Dang Thi Cay					0	0	Mẹ đẻ Mother
13.2	Ông Trần Văn Giáp Mr. Tran Van Giap					0	0	Anh trai Brother
13.3	Bà Bùi Thị Thân Mrs. Bui Thi Than					0	0	Chị dâu Sister-in-law
13.4	Ông Trần Văn Dũng Mr. Tran Van Dung					0	0	Anh trai Brother

STT No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp NSH No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
13.5	Bà Lê Thị Mai Mrs. Le Thi Mai					0	0	
13.6	Ông Trần Văn Hoà Mr. Tran Van Hoa					0	0	Anh trai Brother
14	Ông Nguyễn Xuân Thịnh Mr. Nguyen Xuan Thinh		Người phụ trách quản trị Công ty/Người được ủy quyền công bố thông tin Corporate Governance Officer/Authorized Disclosure Representative			0	0	
14.1	Bà Nguyễn Thị Ngọc Mrs. Nguyen Thi Ngo					0	0	Mẹ Mother
14.2	Ông Nguyễn Văn Ty Mr. Nguyen Van Ty					0	0	Bố đẻ Father

STT No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp NSH No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
14.3	Bà Nguyễn Thị Nga Mrs. Nguyen Thi Nga					0	0	Vợ Wife
14.4	Bà Nguyễn Khánh An Ms. Nguyen Khanh An					0	0	Con gái Daughter
14.5	Ông Nguyễn Xuân Duy Khang Mr. Nguyen Xuan Duy Khang					0	0	Con trai Son
14.6	Ông Nguyễn Duy Hoạch Mr. Nguyen Duy Hoach					0	0	Bố vợ Father-in-law
14.7	Bà Nguyễn Thị Xuyên Mrs. Nguyen Thi Xuyen					0	0	Mẹ vợ Mother-in-law
15	Bà Nguyễn Thuý Hà Mrs. Nguyen Thuy Ha		Thư ký Công ty Company Secretary			0	0	
15.1	Nguyễn Văn Long					0	0	Bố đẻ Father

STT No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp NSH No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
	Mr. Nguyen Van Long							
15.2	Nguyễn Thị Thúy Mrs. Nguyen Thi Thuy					0	0	Mẹ đẻ Mother
15.3	Nguyễn Thị Hương Mrs. Nguyen Thi Huong					0	0	Em gái Sister
15.4	Nguyễn Văn Lộc Mr. Nguyen Van Loc					0	0	Em trai Brother
15.5	Nguyễn Văn Quyết Mr. Nguyen Van Quyet					0	0	Bố chồng Father-in-law
15.6	Đào Thị Huệ Mrs. Dao Thi Hue					0	0	Mẹ chồng Mother-in-law
15.7	Nguyễn Minh Tâm Mr. Nguyen Minh Tam					0	0	Chồng Husband

STT No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp NSH No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
15.8	Nguyễn Phúc Thành Mr. Nguyen Phuc Thanh					0	0	Con trai Son
15.9	Nguyễn Hà Kiều Anh Ms. Nguyen Ha Kieu Anh					0	0	Con gái Daughter
15.10	Ông Nguyễn Văn Lộc Mrs. Nguyen Van Loc					0	0	Em rể Brother-in-law
15.11	Bà Ma Thị Diễm Ms. Ma Thi Diem					0	0	Em dâu Sister-in-law

2. Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty: Không có  
*Transactions of internal persons and affiliated persons with shares of the company: None*

**IX. Các vấn đề cần lưu ý khác:** Không có  
*Other significant issues: None*

**Nơi nhận/ Recipients:**

- SGDKHN, UBCKNN/ The Stock Exchange, The State Securities Commission;
- Lưu/ Archives: VT/ Clerical Department.

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHAIRMAN OF THE BOARD OF DIRECTORS**



**NGUYỄN THÁI HÒA**